

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC TP. HCM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty số 009/BB-TRADIN-HĐQT.IV ngày 20/5/2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê chuẩn các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua các tài liệu dự thảo văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh (dự thảo văn kiện đính kèm).
2. Thông qua việc Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện việc điều chỉnh các nội dung văn kiện nếu xét thấy cần thiết để phù hợp với điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành nhằm phục vụ cho công tác đại hội được hoàn thiện.

Điều 2: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các Ban/Bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban TGD ‘để thực hiện’;
- Lưu VP.HĐQT ‘để b/c HĐQT’;
- T⁴ (02).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhã

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790

Địa chỉ: Số 14A, đường 85, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại: +84.28. 2211 7898

Website: <https://tradincorp.vn>

THƯ MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 như sau:

- 1. Thời gian Tổ chức đại hội: 8h30, ngày 26 tháng 06 năm 2025.**
- 2. Địa điểm Tổ chức đại hội:** Phòng Đông Đô, Tầng Trệt, Khách sạn Victory – Số 14, Đường Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM.

3. Nội dung đại hội:

Thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và các tờ trình Đại hội (theo Chương trình đính kèm) sẽ được Công ty đăng tải, cập nhật (nếu có) tại website: <https://tradincorp.vn> từ ngày **05/06/2025** và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Đăng ký tham dự đại hội:

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng Đăng ký tham dự Đại hội trước 10h00, ngày **24/06/2025** theo hình thức:

- Tại Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh
- Hoặc gửi Giấy đăng ký dự đại hội về địa chỉ dưới đây.

5. Ủy quyền tham dự đại hội:

Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu **Giấy ủy quyền tham dự Đại hội hoặc Mẫu khác theo Quy định của pháp luật về dân sự** và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước thời điểm nêu trên hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và phải có số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì Giấy ủy quyền phải có dấu của tổ chức ủy quyền).

6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:**Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: Số 14A Đường số 85 – Khu phố 1 – P. Tân Quy – Quận 7 – TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 2211.7898 – (028) 2211.9655 Email: huongltd@hcmpe-tradincorp.com
- Liên hệ: Cô Thu Hương – Quản lý cổ đông, SĐT: (028) 2211.9655

7. Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời và Giấy đăng ký dự đại hội/ Giấy ủy quyền (nếu có);
- Thẻ CCCD/Hộ chiếu hoặc bản sao hợp lệ Giấy CNĐKDN của tổ chức.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Trân trọng./.



Nguyễn Thanh Nhã



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH CITY ELECTRIC POWER TRADING INVESTMENT CORPORATION
Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Số điện thoại: +84.028. 2211 7898 Website: <https://tradincorp.vn>

**TÀI LIỆU
THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH NGHIÊN
CỨU NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KINH DOANH ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2025



M U C L U C

1. Chương trình nghị quyết công ty năm 2025.
2. Quy chế làm việc của hội đồng công ty năm 2025.
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.
4. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.
5. Báo cáo hoạt động của BKS và kết quả kiểm tra giám sát tài chính năm 2024.
6. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 kèm kiểm toán.
7. Danh mục các đề trình xin ý kiến hội đồng công ty năm 2025:
 - Trình 01:
 - + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024;
 - + Phân bổ trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2024.
 - Trình 02:
 - + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
 - + Kế hoạch chia cổ tức năm 2025;
 - Trình 03: Phân bổ chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.
 - Trình 04: Lựa chọn nhân viên kiểm toán năm 2025.
 - Trình 05: Thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Trình 06: Phân bổ bán cổ phiếu ưu đãi theo hình thức chào bán riêng lẻ.
8. Điều lệ Quy chế nội bộ công ty năm 2025;
9. Mục Phiếu biểu quyết.

-----//-----



CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ CÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thời gian	Nội dung
8h00 – 8h30	ón khách và kiểm tra tài cách lệ bi u và c ông: <ul style="list-style-type: none">) ón tiếp lệ bi u và c ông;) Kiểm tra tài cách lệ bi u, phát hành lệ bi u quy t, phi lệ bi u quy t và tài li u i h i.
8h30 – 8h50	Khai m c i h i: <ul style="list-style-type: none">) Báo cáo kiểm tra tài cách lệ bi u tham d i h i;) Tuyên bố lý do, giới thi u Ch t a;) Thông qua Quy ch làm vi c;) Giới thi u và thông qua danh sách oàn ch t a, Ban Kiểm tra tài cách lệ bi u, Ban Kiểm phi u;) Thông qua ch ng trình i h i;
8h50 – 9h15	H i ng qu n tr , Ban T ng Giám c Ban Kiểm soát trình bày các n i dung sau: <ul style="list-style-type: none">) Báo cáo của Ban T ng Giám c Công ty về tình hình hoạt ng s n xu t kinh doanh năm 2024 và Kế ho ch n m 2025;) Báo cáo hoạt ng của Hội ng qu n tr n m 2024 và Kế ho ch hoạt ng n m 2025;) Báo cáo hoạt ng của Ban Kiểm soát: Kết qu kiểm tra, giám sát tài chính n m 2024;) Báo cáo tài chính riêng và h p nh t n m 2024 ã c kiểm toán.



Thời gian	Nội dung
9h15 – 9h30	Các nội dung trình bày: J Trình 01: + Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; + Phương án trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2024; J Trình 02: + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; + Kế hoạch chia cổ tức năm 2025; J Trình 03: Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025. J Trình 04: Lựa chọn nhân viên kiểm toán năm 2025. J Trình 05: Thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty. J Trình 06: Phương án bán cổ phiếu ưu quyền theo hình thức chào bán riêng lẻ. J Nội dung khác (nếu có).
9h30 – 9h45	Giải đáp thắc mắc
9h45 – 10h15	Hàng định biểu quyết và Biểu quyết thông qua các báo cáo và trình
10h15 – 10h30	Nghị quyết lao – Kiểm phiếu biểu quyết
10h30 – 10h35	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
10h35 – 10h45	Ban Thư ký đọc thảo Biên bản họp và Nghị quyết HĐQT; Giải đáp biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết HĐQT.
10h45 – 10h50	Bấm chuông kết thúc.



QUY CHẾ LÀM VIỆC

HIỆNH LỆCH CÔNG THỜI NG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH NỘI THÀNH PHỐ HCM

C n c :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Công nhân số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị quyết 155/2020/N -CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Công nhân thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ nội bộ của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội Thành Phố Hồ Chí Minh;
- Quy chế nội bộ quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội Thành Phố HCM, Nhóm nhân viên hiệu lệnh công thời ng niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội Thành Phố Hồ Chí Minh đi n ra thành công t t p, Hiệu lệnh quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ngày x , biểu quy t trong hiệu lệnh công thời ng thông qua như sau:

1. M C ÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ngày x , biểu quy t t hiệu lệnh công thời ng niên của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội Thành Phố Hồ Chí Minh đi n ra đúng quy định và thành công t t p.
- Các Quy định của hiệu lệnh công thời ng hi n ý chí th ng nh t của hiệu lệnh công, áp dụng ngay n v ng, quy n l i c a c công và ứng pháp luật.

2. I T NG VÀ PH M VI

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các công nhân nội địa (ng i c y quy n) của công nhân hàng s h u c phi u Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội Thành Phố Hồ Chí Minh và khách mời tham dự hiệu lệnh công thời ng niên Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội Thành Phố Hồ Chí Minh u ph i chấp hành, tuân thủ các quy định t i Quy chế này, điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này c s d ng cho việc t ch chấp hành hiệu lệnh công thời ng niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội Thành Phố Hồ Chí Minh.



3. GIỚI THÍCH THU TỪNG /TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Một kinh doanh nội l c Thành phố Hồ Chí Minh
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tài chính
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- Đại biểu : Công đồng, nghị viên (nguyên ủy quyền)
- Hội đồng : Ủy ban quản trị

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Hội đồng

- Ủy ban quản trị Hội đồng tiến hành khi có số đại biểu họp viên trên 50% tổng số đại biểu ủy quyền.
- Trường hợp ủy ban quản trị Hội đồng không tiến hành theo quy định khoản 1 điều 28 của Công ty thì thông báo họp lần thứ hai ngay trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày diễn ra họp lần thứ nhất. Ủy ban quản trị Hội đồng tiến hành khi có số công đồng họp viên đạt 33% tổng số đại biểu ủy quyền trở lên.
- Trường hợp ủy ban quản trị Hội đồng không tiến hành theo quy định khoản 2 điều 28 của Công ty thì thông báo họp lần thứ ba ngay trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày diễn ra họp lần thứ hai. Ủy ban quản trị Hội đồng lần thứ ba tiến hành không phụ thuộc vào tổng số đại biểu ủy quyền của các công đồng họp.

4.2 Điều kiện công đồng tham dự Hội đồng

Các công đồng có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt từ ngày **05/3/2025** và có quyền tham dự HĐQT; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhu cầu hoãn nghị viên ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác nhận thành lập danh sách biểu quyết của nghị viên.

4.3 Khách mời Hội đồng

2 | -----
Tài liệu Hội đồng quản trị năm 2025. Tài liệu này công bố công khai và không có tính bắt buộc. Trong trường hợp có bất kỳ thắc mắc nào về nội dung tài liệu này, vui lòng liên hệ Văn phòng Công ty để được giải đáp chi tiết.



- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC và hội đồng quản trị của Công ty nhằm tham dự và hỗ trợ.
- Khách mời không tham gia phát biểu và hỗ trợ (trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc có sự ký duyệt của BTC và Chủ tịch Hội đồng quản trị).

4.4. Nghĩa vụ tham dự và hỗ trợ của các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ các quy định về an ninh (nếu có), giữ trật tự thân thiện v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức và hỗ trợ.
- Nhận và sử dụng tài liệu, giấy tờ phục vụ hỗ trợ và in ấn tài liệu trình bày và hỗ trợ.
- Khách mời nhận và ký ngay và sau đó có quy định tham gia và biểu quyết ngay tại hỗ trợ. Chủ tịch không có trách nhiệm đăng ký hỗ trợ cho khách mời nhận và ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề sẽ tiến hành biểu quyết trực tiếp khi khách mời tham dự sẽ không bắt buộc.
- Khách mời chấp hành hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài làm việc.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng họp.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tịch và hành động hỗ trợ.
- Trường hợp có khách mời không tuân thủ quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tịch sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể chỉ hoặc trực tiếp yêu cầu khách mời nói trên khi cần thì rời khỏi phòng họp hoặc ra ngoài một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5. Chủ tịch và Ban tổ chức

- Ban tổ chức gồm Chủ tịch và các Thành viên.
- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tịch hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tịch cuộc họp hỗ trợ công đồng do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời không thể làm việc thì các thành viên HĐQT quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tịch cuộc họp theo nguyên tắc如上. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tịch, Trường hợp Ban kiểm soát hỗ trợ và người có thẩm quyền của Chủ tịch cuộc họp trong số những người đã họp và người có thẩm quyền của Chủ tịch cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp hỗ trợ công đồng hỗ trợ và hành động hỗ trợ công đồng của Chủ tịch cuộc họp và người có thẩm quyền của Chủ tịch cuộc họp.



- Chủ tịch có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết khi cần thiết để bảo vệ quyền lợi của công ty theo pháp luật, có thể bao gồm việc khởi kiện, kiện tụng, ứng phó theo các yêu cầu pháp lý và các hành động khác nhằm bảo vệ lợi ích của công ty.
- Chủ tịch có quyền hoãn cuộc họp khi cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ pháp lý và các nghĩa vụ khác của công ty theo quy định của pháp luật và các quy định khác có liên quan.
- Nhiệm vụ của Chủ tịch:
 -) Điều hành các hoạt động của Công ty theo chương trình kinh doanh đã được Hội đồng Quản trị thông qua;
 -) Hướng dẫn các thành viên và điều hành toàn bộ các nội dung có trong chương trình;
 -) Trình duyệt, ký duyệt và giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 -) Trình duyệt, ký duyệt và giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 -) Giám sát các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình điều hành.
- Nguyên tắc làm việc của Chủ tịch: Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc trung thực, công bằng, khách quan, đúng pháp luật và đạo đức.

4.6. Chức năng và nhiệm vụ

- Chủ tịch có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
 -) Ghi chép ý kiến, trung thực nội dung điều hành;
 -) Tiếp nhận và phê duyệt các quyết định của Hội đồng;
 -) Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết điều hành;
 -) Hỗ trợ Chủ tịch công bố thông tin liên quan đến cuộc họp điều hành và thông báo các Công việc theo đúng quy định pháp luật và nội quy Công ty.
 -) Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch.

4.7. Ban Kiểm soát

- Hội đồng cử Ban Kiểm soát vào Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.



- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 -) Phân tích nguyên tắc, thủ tục, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 -) Xem xét và báo cáo tình hình trình bày hợp lệ phạm vi biểu quyết, hoặc nhân viên kiểm tra biểu quyết;
 -) Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tịch.

4.8 Ban Kiểm tra thực cách biểu quyết

- Ban Kiểm tra thực cách biểu quyết của Hội đồng các thành viên theo Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra thực cách biểu quyết:
 -) Kiểm tra thực cách và tình hình công việc, đi đến công việc.
 -) Trưởng Ban Kiểm tra thực cách biểu quyết báo cáo về tình hình công việc, đi đến công việc và đi đến công việc quy định quy định đi đến trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Hội đồng Công ty kết thúc tiến hành.

4.9 Phát biểu ý kiến

- Biểu quyết tham dự Hội đồng khi muốn phát biểu ý kiến phải có sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng. Biểu quyết phát biểu ý kiến và tập trung vào ứng dụng nội dung trình bày tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã đề cập Hội đồng thông qua hoặc gợi ý kiến bổ sung nhân viên cho Thư ký Hội đồng trình bày báo cáo Chủ tịch.
- Chủ tịch Hội đồng sẽ xếp cho biểu quyết phát biểu theo thứ tự ký, ngay khi ghi đáp các thắc mắc của Hội đồng Hội đồng ghi nhận trả lời sau buổi họp nhân viên.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề Hội đồng

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Hội đồng phải được Hội đồng thông qua và biểu quyết công khai.
- Thủ tục biểu quyết, Phiếu biểu quyết của Công ty in, đóng dấu treo và ghi trực tiếp cho biểu quyết ý kiến (kèm theo tài liệu tham dự Hội đồng). Trên Thủ tục biểu quyết, Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số biểu quyết, họ tên, số phiếu thuận và nhân viên quy định biểu quyết của biểu quyết.
- Chủ tịch sẽ xuất các hình thức biểu quyết và trình bày trong nội dung chương trình Hội đồng thông qua.



- Hình thức biểu quyết như sau:

- Biểu quyết bằng hình thức ghi Thẻ biểu quyết: hình thức này sử dụng thông qua các văn bản như: Chương trình nghị sự; Quy chế làm việc nội bộ; Nhân sự toàn công ty; Nhân sự Ban Kiểm soát; thông qua Biên bản họp; Nghị quyết nội bộ.
- Biểu quyết bằng hình thức in vào Phiếu biểu quyết: hình thức này sử dụng thông qua các Báo cáo, trình bày và các nội dung khác nội bộ (nếu có)

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- Khi biểu quyết chỉ vì biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến thì việc biểu quyết nội bộ bằng cách ghi cao Thẻ biểu quyết theo các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết theo quy định của các nội dung biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- Khi biểu quyết bằng hình thức ghi Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải ghi cao hướng về phía toàn công ty. Trường hợp biểu quyết không ghi Thẻ biểu quyết trong các buổi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của mặt trận thì cần xem nội dung biểu quyết tán thành văn bản. Trường hợp biểu quyết ghi cao Thẻ biểu quyết nội bộ (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của mặt trận thì cần xem nội dung biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng ghi Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm soát cách biểu quyết/Ban Kiểm soát ánh xạ nội bộ và phiếu biểu quyết theo quy định của Công ty Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức in vào Phiếu biểu quyết, nội dung nội dung, nội dung chọn mặt trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” cần in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách ánh xạ “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất nội dung biểu quyết cần ánh xạ nội bộ, nội dung ghi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín để niêm phong nội bộ theo hướng dẫn của Ban Kiểm soát. Phiếu biểu quyết phải có ký và ghi rõ họ tên của biểu quyết.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC nội bộ phát ra, có đóng dấu của Công ty, không tẩy xóa, cào sào, rách, nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có ký, đóng dấu ký phải có họ tên của tất cả biểu quyết tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Trình bày) là hợp lệ khi biểu quyết ánh xạ chọn mặt (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.



➤ **Phiếu biểu quyết không họp:**

-) Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
-) Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC đề nghị phát ra, phiếu không có dấu của Công ty hoặc tẩy xóa, cào sào, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi rõ họ tên của biểu quyết, khi có nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không họp.

4.10.4 Thủ tục biểu quyết

C 01 (mẫu) của phần phụ thông tin quy định về nội dung biểu quyết. Mọi biểu quyết tham dự diễn ra cho một hoặc nhiều quyết định biểu quyết sẽ chấp hành biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Thời gian chốt danh sách công (ngày **05/3/2025**) theo sự chấp thuận của Công ty là: 22.638.165 chấp thuận quy định về 22.638.165 quy định biểu quyết.
- Các vấn đề liên quan biểu quyết đề nghị thông qua khi các công suất trên 50% theo sự phiếu biểu quyết của các công đồng dự án thành. Riêng một số trường hợp về biểu quyết quy định tại Khoản 1 điều 31 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý 65% theo sự phiếu biểu quyết trên của các công đồng dự án thành.
- Lưu ý:
 -) Công/điễn quy định có liên quan không có quy định biểu quyết về các hợp đồng và giao dịch có giá trị 35% (theo giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ chấp thuận khi có sự đồng/điễn quy định chi phí 65% theo sự phiếu biểu quyết còn lại thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 -) Công/điễn quy định công suất 51% theo sự chấp thuận có quy định biểu quyết trên hoặc ngược lại có liên quan các công đồng không có quy định biểu quyết về các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (theo giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty và công đồng (theo Điều 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Đề nghị, đề nghị công đồng thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến



các tài sản và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kế toán tài chính.

4.11 Biên bản, Nghị quyết HĐQT

Tất cả các nội dung tài chính hàng Công phi công Th ký ghi vào Biên bản họp HĐQT. Biên bản họp HĐQT công phi công và thông qua trước khi báo cáo HĐQT.

5. THỰC HIỆN

- Tất cả các bộ phận, người đi làm, khách mời tham dự hội nghị có trách nhiệm tuân thủ ý các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người trực tiếp HĐQT có quy định:
 - ↳ Yêu cầu tất cả người đi làm phải kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - ↳ Yêu cầu quan có thẩm quyền duy trì trật tự an ninh; trực tiếp xử lý ngay nếu không tuân thủ quy định hiện hành của Công ty, gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp HĐQT.
- Các nội dung không quy định chi tiết tại quy chế này thì thực hiện áp dụng theo quy định hiện hành của Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được HĐQT Công ty biểu quyết thông qua.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỨC VỤ

Nhiệm vụ:

- HĐQT;
- TVHQT, Ban TG, BKS;
- Lưu: VT, Th ký.

Nguyễn Thanh Nhã



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790

Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: <https://tradincorp.vn>



BẢN TƯỜNG GIÁC

Báo cáo tình hình hoạt động năm 2024 và phân tích hoạt động năm 2025

1 | -----
Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo. Tài liệu này không có giá trị pháp lý và không thể thay thế cho các tài liệu gốc. Trong trường hợp có sự khác biệt thì có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tài liệu gốc thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên.



Kính gửi: **Đội ngũ Công nhân viên năm 2025**

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Quốc tế TP. Hồ Chí Minh

I. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị quyết số 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ nội quy của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Quốc tế TP. Hồ Chí Minh;;
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Quốc tế TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

II. Các thành viên Ban Giám đốc:

- Ông Nguyễn Anh Việt – Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Nam – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Chánh Trực – Kế toán trưởng

III. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

Năm 2024 là năm bất phá vỡ hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 trong bối cảnh nền kinh tế phi chu kỳ tác động của đại dịch Covid-19. Các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra phù hợp, quy trình, hiệu quả, bám sát tính cạnh tranh, năng lực, phù hợp với thực tiễn của các bộ ngành, địa phương, góp phần nâng cao năng lực, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm vượt khó, tháo gỡ những khó khăn, thách thức.

Năm 2024, tình hình thị trường tiếp tục diễn biến phức tạp, khó khăn về nhu cầu tiêu dùng, bất ổn. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước diễn ra ngày càng gay gắt, nhu cầu gia tăng các chính sách bảo hộ thương mại, nền công nghệ và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tác động của nền kinh tế toàn cầu tiếp tục gây căng thẳng, bất ổn định hòa bình, ảnh hưởng và tác động kinh tế thị trường. Tuy nhiên, kinh tế thị trường vẫn đang diễn biến tích cực



hàng hóa toàn cầu, các chỉ số tài chính, áp dụng phát triển, duy trì thị trường tài chính tiếp tục bền vững, tăng trưởng kinh tế tích cực.

Kinh tế Việt Nam năm 2024 trên đà phục hồi mạnh mẽ. Tăng trưởng kinh tế có nhiều khó khăn, vượt chướng ngại. Hoạt động của khu vực doanh nghiệp có dấu hiệu “mở rộng” khi Chính phủ quy định lại các cách thức, môi trường kinh doanh. Năm 2024 ảnh hưởng từ năm Chính phủ chuyển đổi, linh hoạt trong điều hành chính sách vĩ mô. Lạm phát cơ bản được kiểm soát, sản xuất phục hồi tăng trưởng, vượt ngoài kỳ vọng, sản phẩm thâm nhập nền kinh tế mở rộng (FDI) tăng mạnh, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng mạnh mẽ. Tăng trưởng kinh tế năm 2024 đạt 7,09% – là điểm sáng vượt trội trong khu vực và trên thế giới, mở ra một bước chuyển mình mới, giai đoạn phát triển kinh tế Việt Nam trong 2025 – 2030, nâng cao vị thế, thể hiện tinh thần tự lực, tự cường, nỗ lực vượt bực nhậm chức, cống hiến, phấn đấu và phát triển bền vững.

Mặc dù nền kinh tế trong năm 2024 đang trên đà phục hồi nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội L C TP.HCM (Công ty Tradincorp) vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và nỗ lực vượt bực nhậm chức trong môi trường hoạt động cạnh tranh ngày càng gay gắt. Công ty Tradincorp đã tích cực các công việc là Thành viên góp vốn, các bộ phận của Tổng Công ty Nội L C TP.HCM, Tổng Công ty Nội L C Miền Nam cùng với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể Cán bộ nhân viên đã quyết tâm khắc phục những khó khăn, sẵn sàng lao động sản xuất và cống hiến hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2024 đã đề ra. Những công việc thông qua trong kỳ thi nghiệm năm 2024, kết quả như sau:

1. Mục tiêu và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh 12 tháng năm 2024:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Khoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% thực hiện TH/KH
1	Tổng doanh thu	190.284.485.973	378.766.255.017	199,08%
2	Tổng chi phí	188.460.987.189	376.753.129.050	199,91%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.823.498.784	2.013.125.967	110,40%
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	1.458.799.027	1.610.500.774	110,40%
5	Tỷ suất LNSL trên VCSH	0,62%	0,68%	

3 | -----
 Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo. Tài liệu này không phải là công bố thông tin theo nghĩa của pháp luật Việt Nam và tài liệu Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt thì ưu tiên theo pháp luật Việt Nam và tài liệu Anh thì ưu tiên theo pháp luật Việt Nam.



1.2 Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 sau kiểm toán:

- Tổng doanh thu:	378.766.255.017	ng.
- Tổng chi phí:	384.501.799.477	ng.
- Lợi nhuận trước thuế:	- 5.735.544.460	ng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024:	- 6.927.972.867	ng.
- Lợi nhuận lũy kế năm 2024:	- 5.283.923.580	ng.
- Tỷ suất LNSL trên VCSH:	- 2,93 %	

2. Nguyên nhân gây lỗ kết quả SXKD năm 2024 trong báo cáo sau kiểm toán:

- Phân bổ thêm chi phí chung chưa kết chuyển vào giá vốn từ năm 2022 sang năm 2024: 3,542 tỷ ng.
- Phân bổ vào chi phí 50 nghìn đồng RMU báo hành của 02 H 1204 & 4928/2016/H -EVNHCM-TRADINCORP ngày 05/04/2016 & 15/11/2016 với tổng số tiền 3,723 tỷ ng.
- Phân bổ các khoản chi phí treo đang chờ các hợp đồng đã thanh lý, bộ phận Kinh doanh 0,708 tỷ, Bộ phận TTTV 0,709 tỷ ng.
- Trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi của Công ty TNHH K Thu từ NNB 0,258 tỷ ng.

↪ **Tổng số lỗ vào chi phí sau kiểm toán: 8,940 tỷ ng.**

3. Phân tích, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Nội L C TP.HCM đã cố gắng nỗ lực toàn lực hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cuối cùng trong năm 2024 giao phó.

Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty ghi nhận mức tổng doanh thu đạt 378,76 tỷ ng, tăng 199,08% kế hoạch năm 2024, tăng 233,57% so với kết quả cùng kỳ năm 2023 (tổng doanh thu năm 2023: 162,166 tỷ ng). Lợi nhuận năm 2024 đạt 2,013 tỷ ng, chiếm 110,40%, bằng 114,63% so với năm 2023 (lợi nhuận năm 2023: 1,756 tỷ ng).

Doanh thu năm 2024 chung toàn Công ty vượt nhiều hơn so với dự kiến. Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ phận chưa đạt kết quả như mong muốn ban đầu. Công ty Tradincorp ghi trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó



có cơ sở vật chất không hoàn thành kế hoạch giao của Trung tâm tư vấn, xuất phát từ nhu cầu nguyên nhân khách quan, liên quan.

Những thành tựu này không chỉ là kết quả của sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể cá nhân mà còn là sự đồng kết, hợp tác chặt chẽ của các thành viên và sự hỗ trợ, ủng hộ của các khách hàng, đối tác của Công ty Tradincorp. Trong đó có một số nguyên nhân chính, tác động tích cực đến sự phát triển kinh doanh công nghiệp giúp Công ty đạt được kết quả quan trọng trong năm 2024 là:

- Duy trì được các hợp đồng, các gói thầu lớn từ khách hàng dựa vào uy tín thương hiệu của Công ty đã xây dựng;
- Các sản phẩm và hỗ trợ các đối tác là công nhân viên Tập thể Công ty điện lực TP. Hồ Chí Minh, Tập thể Công ty điện lực Miền Nam, ...;
- Duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, có chuyên môn mạnh mẽ hỗ trợ kỹ thuật tốt nhất, xử lý nhanh chóng, kịp thời các vấn đề phát sinh, giảm chi phí...;
- Duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện hệ thống quản lý, giảm thiểu các rủi ro;
- Xây dựng hệ thống quy trình, quy định rõ ràng, minh bạch. Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, đồng kết gắn bó trong nội bộ doanh nghiệp. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ vào công nghệ thông tin, ứng dụng chuyển đổi số trong nội bộ và hoạt động của Công ty, nỗ lực thực hiện các quy trình, vận hành các nhanh chóng và hiệu quả.

IV. Một số các hoạt động ưu tiên khai trong năm 2024:

1. Hoạt động quản lý dự án:

Công tác quản lý dự án: Công ty tiếp tục phối hợp các đơn vị liên quan hoàn tất công việc nghiệm thu 500kV Gói 5 “Gói thầu EPC đường dây 500 -110kV” còn lại vào tháng 9/2024; Thực hiện nghiệm thu và thanh quyết toán gói 6 “Gói thầu EPC cấp điện áp 220kV” và gói 7 “Gói thầu EPC cấp điện áp 110kV” hoàn tất vào Quý IV/2024. Tiếp tục làm chủ nhà thầu và thu hồi các dự án cao thế 500kV, 220kV, 110kV, hoàn thành quyết toán cho toàn dự án trong năm 2024.

2. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

- Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị chuyên môn của Công ty Tradincorp; Thực hiện đánh giá nhu cầu nhân lực công việc và phát triển nghề nghiệp phù hợp với chuyên môn của người lao động.



- Xu t và h tr ng i lao ng i u ki n tham gia các khóa hu n luy n, ào t o nâng cao công tác chuyên môn: tham gia các khóa h c ch ng ch hành ngh giám sát, ch ng ch thi t k , ch ng ch u th u, ch ng ch Ch huy tr ng công trình, ch ng ch hành ngh ho t ng xây d ng, ...

3. Ho t ng kinh doanh – ti p th truy n thông:

- Y u t minh b ch c xem là m t trong nh ng tiêu chí hàng u c a Công ty Tradincorp g n k t và t o ni m tin cho c ông, khách hàng. Công ty Tradincorp luôn m b o công b y , chính xác, trung th c thông tin trên các n n t ng s , website theo quy nh.
- Duy trì nh k các báo cáo: Báo cáo th ng niên, Báo cáo Qu n tr Công ty, Báo cáo tài chính trên website chính th c thông tin v tình hình ho t ng, chi n l c c a Công ty.
- Ti p t c xây d ng hình nh Công ty Tradincorp ho t ng trách nhi m v i xã h i, b o v môi tr ng.

4. Công tác gi i quy t, thu h i công n :

- Trong n m 2024, Công ty ti p t c y m nh công tác thu h i công n , t bi t i v i các kho n n lâu n m, khó òi.
- Th c hi n vi c trích l p d phòng r i ro theo quy nh pháp lu t gi m thi u r i ro tài chính Công ty i v i nh ng kho n n quá th i h n x lý sau khi Công ty ã áp d ng nhi u bi n pháp òi n nh ng không thành.
- Áp d ng ph ng án ti n hàng kh i ki n ra tòa, nh vào tòa án có th th c hi n các bi n pháp c ng ch khách hàng thu h i công n khó òi lâu n m.
- Tháng 9 n m 2024 Công ty Tradincorp ã gi i quy t hoàn t t v n công n liên quan n 6 H p ng gi a Công ty Tradincorp và các Ch u t HBM ký ngày 12/11/2020 i v i h ng m c thi t k , cung c p thi t b công ngh và thi công xây d ng công trình “H th ng i n n ng l ng m t tr i áp mái hòa l i l x 925KWP t i KCN C u c ng Ph c ông”. ây là kho n công n l n ã t n t i kéo dài su t nhi u n m qua và ã gây ra nh ng khó kh n không nh i v i ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty.

5. Công tác nhân s , ti n l ng và ch chính sách:

- Công ty Tradincorp luôn trân tr ng nh ng giá tr do ng i lao ng t o ra và óng góp vào thành công chung b i ngu n nhân l c chính là tài s n quý giá nh t. M i m t thành viên là m t m c xích quan tr ng, g n k t nh p nhàn c máy doanh nghi p ho t ng c tr n tru, giúp Công ty có nh ng b c



phát triển tốt nhất, tin tưởng và xa hơn nữa. Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng số CBNV Công ty Tradincorp là 53 người.

- Tất cả các CBNV trong công ty đều ký hợp đồng lao động theo đúng các điều khoản trong Luật Lao động và có công việc làm rõ ràng và phù hợp.
- Tính lương, thưởng chi trả theo Quy chế tính lương của Công ty, xây dựng phù hợp với các quy định về quản lý tài chính, tài lương và hiệu suất sản xuất kinh doanh của năm. Tuân thủ đúng quy định trong việc trả tiền lương thường xuyên theo chế độ trả lương cho nhân viên ngày nghỉ Lễ, phép, bệnh tật, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ do tai nạn lao động và các chế độ lao động khác.
- Thực hiện việc mua bảo hiểm y tế cho toàn thể CBNV.
- Làm việc tại Công ty ngoài giờ có chế độ đãi ngộ tốt, tập trung vào các chỉ số quản lý theo năng lực cá nhân.

6. Hoạt động an toàn và sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy :

- Thực hiện thường xuyên công tác nhận diện rủi ro và đánh giá rủi ro.
- Tất cả các nhân viên của Công ty đều trang bị đầy đủ phương tiện làm việc.
- Đối với các CBNV là lao động trực tiếp, Công ty đã trang bị bảo hộ lao động áp dụng khi thi công tại công trường.
- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm đối với nhân viên lao động.
- Thực hiện định kỳ công tác PCCC, cứu nạn cứu hộ hàng năm.
- Quan tâm, đánh giá môi trường làm việc của nhân viên lao động nhằm bảo vệ môi trường xanh, sạch, tốt nhất có thể để nhân viên lao động yên tâm làm việc.

7. Hoạt động văn hóa doanh nghiệp:

- Văn hóa doanh nghiệp là chất xúc tác gắn kết các thành viên trong doanh nghiệp. Trải qua 17 năm lịch sử hình thành và phát triển đã góp phần tạo nên niềm tự hào của Tradincorp bạn đồng nghiệp. Với mục tiêu xây dựng Văn hóa doanh nghiệp để đội ngũ nhân viên sản xuất kinh doanh nỗ lực tạo ra những giá trị đáng tự hào cho nhân viên và hiệu quả trong công việc xây dựng niềm tin của Tradincorp với văn hóa doanh nghiệp gắn bó bền chặt và phát triển bền vững.
- Duy trì thường xuyên việc chúc mừng sinh nhật, thăm hỏi nhân viên đoàn viên bầu bạn. Chính quy định về Công đoàn và nhân viên CBNV luôn luôn đóng góp tích cực vì lợi ích chung của gia đình CBNV có niềm tin qua đời.



- Tổ chức các chương trình chúc mừng nhân các ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

8. Công tác khác:

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục quan tâm hỗ trợ các phong trào, hoạt động do các tổ chức công đoàn, Thanh niên phát động hỗ trợ phát triển sản xuất.

V. Ảnh hưởng của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp về môi trường, xã hội và nhân quyền:

Hiểu rõ môi trường sống tốt, trong lành là nhu cầu thiết yếu và quan trọng về môi trường sống. Trên tinh thần trách nhiệm và tận tụy, Công ty cố gắng cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

Nhận thức về tầm quan trọng và lợi ích của việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp về môi trường, xã hội và nhân quyền trong chuỗi giá trị toàn cầu và hình ảnh quốc tế, Công ty Tradincorp ngoài trách nhiệm đóng góp cho Nhà nước còn nhận thức về trách nhiệm xã hội với các cam kết: về môi trường, về môi trường xã hội và nhân quyền trong chuỗi giá trị, về môi trường xã hội và nhân quyền phát triển bền vững, về môi trường xã hội và nhân quyền hòa nhập lợi ích giữa kinh tế - xã hội - môi trường.

Thực hiện tốt trách nhiệm về môi trường, xã hội và nhân quyền giúp kinh doanh tốt hơn và kinh doanh phát triển bền vững trong môi trường xã hội và nhân quyền minh bạch, môi trường tốt.

VI. Kế hoạch năm 2025 và giải pháp thực hiện:

1. Kế hoạch năm 2025:

Kết quả tích cực trong tăng trưởng kinh tế năm 2024, toàn thể nhân viên phấn đấu tăng trưởng vượt trội trong năm 2025, chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng cao 2026 - 2030. Trước những khó khăn - thách thức trên, Công ty Tradincorp đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

- Tổng doanh thu: 225,000 tỷ đồng
- Tổng chi phí: 222,328 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2,671 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2,137 tỷ đồng
- Tỷ suất LNSL trên VCSH: 0,90 %



2. Giấy pháp chung SXKD năm 2025:

a. Giấy pháp trong lĩnh vực kinh doanh:

- Tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm, thi công các công trình điện cho các đơn vị trong EVNHCMC; EVNSPC;
- Tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn, mua sắm, thi công các công trình điện các khách hàng bên ngoài khi có yêu cầu kỹ thuật, an toàn, ...;
- Tiếp tục thu hồi các khoản nợ lâu năm và phối hợp với các đối tác là đơn vị có vốn nhà nước đang còn nợ Công ty sớm trả nợ tránh bị trích lập dự phòng làm báo Công ty báo cáo;
- Tiếp tục thực hiện việc phát hành 970.000 cổ phiếu ưu đãi còn lại, nguồn vốn thu được phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và các năm sau;
- Ưu tiên ngành nghề hoạt động của Công ty, tạo yêu cầu cho Nhà đầu tư bên ngoài để có sự hợp tác của Công ty;
- Chú trọng xây dựng kế hoạch kinh doanh thu theo các mục khác nhau cho năm 2025 và giai đoạn 2026 – 2030. Kế hoạch kinh doanh cần chi rõ từng ngành nghề, từng lĩnh vực phải nêu bao nhiêu và xác định rõ tiềm năng, ngành nghề, nguồn lực cần là gì, chu kỳ và khai thác các nguồn lực cho phát triển;

b. Công tác tài chính:

- Chú trọng nguồn vốn luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng các dự án và quy mô lớn.
- Chú trọng làm việc với các tổ chức tín dụng tìm kiếm nguồn vốn với lãi suất ưu đãi.

c. Công tác nhân sự:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh thu hút nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Đào tạo, luân chuyển và thăng tiến xuyên ngành giá trị nhân lực CBNV bố trí công việc phù hợp. Triển khai nhân sự cấp quản lý, tăng cường bồi dưỡng nhân sự quản lý trực tiếp công trình.
- Tiếp tục và nâng cao trình độ nhân sự, chuyên nghiệp, chuyên nghiệp, tu nhân hoàn, phát triển các-bon thấp, tiết kiệm tài nguyên, phát triển bền vững



- Đảm bảo thu nhập người lao động và thực hiện chính sách chăm sóc người lao động theo quy định.
- Thực hiện tình nguyện xã hội, xây dựng hình ảnh văn minh hiện đại, hiệu quả: Duy trì vị thế xã hội và phát triển Công ty hoạt động hiệu quả, tiết kiệm chi phí, sử dụng chi phí hợp lý tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh trong thị trường.
- Nâng cao hiệu suất và kiểm soát quy trình công việc; nghiêm chỉnh phân công, phân quyền, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh; thúc đẩy áp dụng mô hình quản lý linh hoạt.

Trên đây là báo cáo kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của Ban Tổng Giám đốc.

Kính trình Hội đồng xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nội dung:

- Như trên;
- Lưu VP.

Nguyễn Anh V



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790

Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: <https://tradincorp.vn>



Báo cáo tình hình hoạt động năm 2024 và phân tích hoạt động năm 2025



Kính gửi: **Đội ngũ công đồng thành viên năm 2025**

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Quốc tế TP. Hồ Chí Minh

I. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị quyết số 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ nội quy của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Quốc tế TP. Hồ Chí Minh;;
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Quốc tế TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

II. Các ủy viên Hội đồng quản trị:

- Ông Nguyễn Thanh Nhã – Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Anh Việt – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Châu Thanh Phong – Thành viên HĐQT không độc lập
- Bà Trần Ngô Sen – Thành viên HĐQT không độc lập
- Bà Nguyễn Thị Kim Loan – Thành viên HĐQT không độc lập

III. ÁNH GIÁ VÀ VIẾT THUYẾT CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ CÔNG ĐỒNG THÀNH VIÊN NĂM 2024:

1. Đánh giá và kết quả hoạt động SXKD năm 2024:

- Năm 2024, Công ty ghi nhận mức tăng doanh thu thuần là 378,76 tỷ đồng, tăng 199,05% kế hoạch năm 2024, tăng 233,57% so với kết quả cùng kỳ năm 2023 (tăng doanh thu năm 2023: 162,166 tỷ đồng).
- Lợi nhuận năm 2024 đạt 2,013 tỷ đồng, chi phí giảm 110,40%, bằng 114,63% so với năm 2023 (lợi nhuận năm 2023 đạt: 1,756 tỷ đồng).
- Tuy nhiên, kết quả ghi nhận sau báo cáo kiểm toán vẫn có một số điểm cần quan tâm, cụ thể:

+ Lợi nhuận trừ thuế: - 5.735.544.460 đồng.



- + L i nhu n sau thu n m 2024: - 6.927.972.867 ng.
- + L i nhu n l y k n n m 2024: - 5.283.923.580 ng.
- + T su t LNSL trên VCSH: - 2,93 %

🚩 Nguyên nhân gây l k t qu SXKD trong báo cáo sau kì m toán:

- Phân b thêm chi phí chung ch a k t chuy n vào giá v n t n m 2022 n n m 2024: 3,541 t ng.
- Phân b vào chi phí 50 ng n t RMU b o hành c a 02 H 1204 & 4928/2016/H -EVNHCM-TRADINCORP ngày 05/04/2016 & 15/11/2016 v i t ng s t i n 3,723 t ng.
- Phân b các kho n chi phí treo d dang c a các h p ng ã thanh lý, b ph n Kinh doanh 0,708 t , B ph n TTTV 0,709 t ng.
- Trích l p d phòng công n ph i thu khó òi c a Công ty TNHH K Thu t NNB 0,258 t ng.

👉 **T ng s t i n a vào chi phí sau kì m toán: 8,939 t ng.**

2. ánh giá v m t s ho t ng khác:

- Chi tr c t c n m 2023: Theo Ngh quy t i h i ng c ông th ng niên n m c thông qua ngày 27/4/2024, c t c n m 2023 là 0%. Vì v y, n m 2024 Công ty không th c hi n chi tr c t c n m 2023 cho c ông hi n h u, t i p t c chi tr c t c cho c ông ch a nh n c a các n m tr c.
- Chi tr thù lao H i ng qu n tr n m 2024 theo Ngh quy t ã c i h i ng c ông th ng niên thông qua.
- L a ch n Công ty TNHH K i m Toán & D ch V Tin H c MOORE AISC là n v k i m toán báo cáo tài chính h p nh t và riêng l n m 2024 cho Công ty Tradincorp.
- Ch a th c hi n vi c chào bán 970.000 c phi u qu còn l i theo hình th c chào bán riêng l theo ph ng án ã c i h i ng c ông th ng niên thông qua do ch a tìm c nhà u t áp ng i u ki n sang nh ng.

IV. BÁO CÁO THEO NGH NH 155, I U L CÔNG TY/ LU T DOANH NGH I P 2024

1. Thù lao, chi phí ho t ng và các l i ích khác c a H i ng qu n tr t i i u

**280 Nghị quyết 155, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty năm 2024:**

- Lựa chọn, thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị quyết và Điều lệ công ty năm 2024.
- Hội đồng quản trị có các thành viên kiêm nhiệm các vị trí trong Ban Tổng Giám đốc, do đó ngoài thù lao, các thành viên này nhận tiền lương theo từng vị trí.
- Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao của Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng quản trị trong năm như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tiền lương – thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Thanh Nhã	Chủ tịch HĐQT	27/4/2023	10.000.000
2	Ông Nguyễn Anh V	Thành viên HĐQT điều hành kiêm Tổng Giám đốc	27/4/2023	50.000.000
3	Ông Châu Thanh Phong	Thành viên HĐQT không điều hành	19/4/2022	7.000.000
4	Bà Trần Ngô Sen	Thành viên HĐQT không điều hành	19/4/2022	7.000.000
5	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT không điều hành	19/4/2022	7.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được trình bày tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

Trong năm 2024 không có sự thay đổi thành viên trong Hội đồng quản trị.

2. Tổng kết các cuộc họp Hội đồng quản trị và các Quyết định của Hội đồng quản trị:

2.1 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Ông Nguyễn Thanh Nhã	Chủ tịch HĐQT	3.780	0.00016

4 | -----
Tài liệu nội bộ công ty năm 2025. Tài liệu này được công bố nội bộ và chỉ dành cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có sự khác biệt thì có cách hiểu khác giữa nội bộ và tài liệu công khai thì ưu tiên nội bộ.



2	Ông Nguyễn Anh V	TV. HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	
3	Ông Châu Thanh Phong	Thành viên HĐQT	0	
4	Bà Trưởng Ngô Sen	Thành viên HĐQT	0	
5	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT	2.000	0.00008

2.2 Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự (%)	Lý do không tham dự (%)
1	Ông Nguyễn Thanh Nhã	6/6	100%	
2	Ông Nguyễn Anh V	6/6	100%	
3	Bà Trưởng Ngô Sen	6/6	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	6/6	100%	
5	Ông Châu Thanh Phong	6/6	100%	

Giữa các cuộc họp Hội đồng quản trị, kế tiếp thì ghi i quy t các công vi c c n có ý kiến c a Hội đồng quản trị liên quan n ho t ng s n xu t kinh doanh và ho t ng qu n lý, Công ty ã t ch c l y ý kiến bi u quy t c a Hội đồng quản trị b ng v n b n. Các h s t ch c l y ý kiến bi u quy t này c th c hi n theo úng quy nh c a Lu t Doanh nghi p và các v n b n h ng d n có liên quan, úng Quy ch ho t ng c a Hội đồng quản trị và đ i s giám sát c a Ban kiểm soát Công ty (các h s g i l y ý kiến Hội đồng quản trị u c g i cho Ban kiểm soát theo úng th th c, n i dung và th i h n nh i v i các thành viên Hội đồng quản trị). Tổng số h s l y ý kiến bi u quy t b ng v n b n trong n m 2024 là 4 h s .

3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (n m 2024):

🚩 Nghị quyết của Hội đồng quản trị:



Stt	Số Nghị quyết/Quy định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	004/NQ-TRADIN-H. QT. IV	5/2/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua Kế hoạch tài chính chi phí công ty năm 2024	100%
2.	007/NQ-TRADIN-H. QT. IV	29/3/2024	Nghị quyết HĐQT về việc báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán	100%
3.	010/NQ-TRADIN-H. QT. IV	1/4/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua dự thảo tài liệu chi phí công ty năm 2024	100%
4.	011/NQ-TRADIN-H. QT. IV	1/4/2024	Nghị quyết HĐQT kế hoạch tháng 4 năm 2024	100%
5.	012/NQ-TRADIN-H. QT. IV	19/4/2024	Nghị quyết HĐQT về việc ủy quyền dự thảo tài liệu chi phí công ty năm 2024	100%
6.	013/NQ-TRADIN-H. QT. IV	1/4/2024	Nghị quyết HĐQT về việc ủy quyền thu nhập của TG	100%
7.	020/NQ-TRADIN-H. QT. IV	15/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc lựa chọn phương án xử lý công nợ của Công ty CP IMG Phố công	100%
8.	024/NQ-TRADIN-H. QT. IV	17/09/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi nội dung pháp luật và cấu trúc Công ty con – Công ty TNHH Tradin One	100%
9.	027/NQ-TRADIN-H. QT. IV	23/10/2024	Nghị quyết HĐQT kế hoạch quý 4 năm 2024	100%

6 | -----
Tài liệu chi phí công ty năm 2025. Tài liệu này công bố công khai và được thông qua bởi Hội đồng Quản trị và Hội đồng Giám đốc. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt sẽ có ưu tiên.



4. Ảnh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2024:

a. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (“HQT”) trong năm 2024:

Trong năm 2024, hoạt động thi công xây lắp tại Công ty chấp hành nghiêm chỉnh, đúng thời hạn theo kế hoạch đã đề ra, Hội đồng quản trị đã cho Ban điều hành đưa ra những giải pháp thích ứng linh hoạt trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra. Về mặt kinh doanh, linh hoạt và nhạy bén, Hội đồng quản trị đã như sau:

- Quản trị Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhất mà mình có quy định để các công đồng và các bên liên quan.
- Điều chỉnh dòng tiền hợp lý cho các hoạt động, kế hoạch thanh toán linh hoạt với nhà thầu/nhà cung cấp.
- Các chính sách, chính sách đãi ngộ nhân viên của Công ty thực hiện tốt để có niềm tin của nhân viên vào Công ty.
- Hội đồng quản trị triển khai hiệu quả các kế hoạch, thực hiện các nội dung thu nhập quy định của Hội đồng quản trị, hoàn thành chỉ tiêu và đưa ra các quyết định, chấp hành tốt mang tính hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong đó, các nội dung trọng yếu của Hội đồng quản trị thông qua như sau:
 - + Thông qua kế hoạch tài chính và tài liệu trình duyệt hàng năm 2024.
 - + Phế phẩm chi trả: 0%.
 - + Nhiệm vụ, luân chuyển nhân sự cao cấp mà mình công tác điều hành Công ty.

b. Thực hiện trách nhiệm với công đồng:

- Công tác công bố thông tin của chủ trương và thực hiện nghiêm chỉnh.
- Hỗ trợ công đồng điều chỉnh nội dung thông tin lưu ký. Thực hiện giải đáp thông tin liên quan đến quyền lợi ích công đồng.
- Thông tin công đồng về việc không chi trả cổ tức năm 2023 và tiếp tục chi trả cổ tức các năm tiếp theo công đồng chấp hành.

c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị:

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ và Quản trị Công ty.



- Chức vụ Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, luật doanh nghiệp, nội quy Công ty trong vị trí công việc, trách nhiệm phân công nhiệm vụ và vị trí thành viên Hội đồng quản trị. Chức vụ toàn diện công tác quản trị hoạt động của Công ty. Hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của Hội đồng quản trị, kiểm soát tất cả công tác công bố thông tin theo quy định và giám sát, đánh giá liên quan đến hoạt động của kiểm soát nội bộ Công ty, nhân sự và điều kiện cho quy trình các công việc.
- Các thành viên Hội đồng quản trị không vi phạm khác đã hoàn thành các nhiệm vụ phân công, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời và hiệu quả chung của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, nội quy Công ty và quy định của Hội đồng quản trị.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐI U HÀNH KHÁC:

- HĐQT cho những công tác đi u hành của Ban Tng Giám Đốc, ghi i quy tắc pháp các vấn đề phát sinh thu c thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tối ưu lợi ích cho hoạt động đi u hành của Ban Tng Giám Đốc.
- Tng Giám Đốc cho những báo cáo, xin ý kiến phê duyệt từ HĐQT khi có phát sinh vấn đề trong hoạt động đi u hành để ra các quyết định pháp pháp.
- Hội đồng Quản trị thực hiện quy định giám sát đi u hành Tng Giám Đốc đi u hành và các cán bộ quản lý thông qua vị trí thực hiện chức năng báo cáo thường kỳ, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết, Quy định của Hội đồng quản trị.
- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã cho Ban đi u hành Công ty thực hiện Nghị quyết đi u hành công tác công tác năm 2024 đã được thông qua trong đi u hành công tác và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong các cuộc họp thường kỳ công việc lý do ý kiến bổ sung và sửa đổi.
- Trng tâm hoạt động của Hội đồng quản trị là cho và hỗ trợ Ban đi u hành Công ty những lĩnh vực các ngành nghề kinh doanh, sản xuất, xây dựng và ban hành các quy định quản lý nội bộ.
- Thông qua các hồ sơ lý do ý kiến bổ u quy định của Hội đồng quản trị bổ sung và sửa đổi, Hội đồng quản trị công nhận trách nhiệm trong vị trí tham gia giám sát và ghi i quy định những vấn đề thu c thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Bên cạnh các vị trí đã hoàn thành vẫn còn công tác thoái vốn d án đi u gió vốn chưa thực hiện xong và sắp xếp vị trí thực hiện trong năm 2025. Thù lao, chi phí



hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

- Năm 2024, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chuyên nghiệp, linh hoạt và sáng tạo quy tập tâm cao của Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBNV Công ty trong việc thực hiện triển khai các hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu, đi theo đúng chiến lược đã đề ra trước những khó khăn trong thị trường phức tạp sau tác động tiêu cực của dịch bệnh, sụt giảm giá cả nguyên liệu sản xuất và chi phí nhân công tăng.

VI. PHẠM NGHĨA NGHỊ ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Tổng doanh thu: 225,000 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 2,137 tỷ đồng.

2. Giải pháp trong lĩnh vực kinh doanh:

- Tập trung chủ quản trị những hoạt động kinh doanh và đề ra những chỉ số KPI để nâng cao hiệu quả kinh doanh, mở rộng thị trường.
- Chú trọng thực hiện tốt công tác kiểm soát rủi ro và kiểm soát chi phí để nâng cao hiệu quả.

3. Công tác quản trị Công ty

- Về hành hình thức kiểm soát và quản lý rủi ro, tiếp tục nâng cao công nghệ quản trị doanh nghiệp.

4. Công tác quan hệ công chúng:

- Xây dựng hình ảnh công tác truyền thông và quan hệ công chúng nhà đầu tư.

5. Công tác khác:

- Chú ý Ban Tổng Giám đốc bám sát và thực hiện các Nghị quyết chỉ đạo của Hội đồng, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục chú trọng xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản nội quy nội bộ của Công ty.
- Duy trì hoạt động công bố thông tin kịp thời, chính xác, kịp thời theo luật định. Chú trọng công bố các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Tập trung triển khai giám sát và những phát triển toàn diện các hoạt động kinh doanh của Công ty, từng công việc công tác quản trị rủi ro.



VII. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên và các thành viên Hội đồng quản trị và nhà quản lý có liên quan của thành viên: Không có
2. Giao dịch giữa công ty và công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là nhà quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có

VIII. CÁC NỘI DUNG KHÁC

- Trong khuôn khổ kế hoạch công tác năm 2024 vào ngày 27/4/2024. Các văn xin ý kiến của kế hoạch công tác đã thông qua, Hội đồng quản trị đã cho Ban điều hành thực hiện nghiêm túc, tri thức.
- Tuy nhiên, trong năm đã có kế hoạch thông qua đó, nội dung “Thông qua phương án phát hành 970.000 cổ phiếu ưu đãi có hình thức riêng lẻ”. Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Internet TP. Hồ Chí Minh chưa phát hành 1.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư.

Hiến nghị, vẫn còn 970.000 cổ phiếu ưu đãi chưa phát hành do chưa tìm được nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.

Đề kiến nghị sang năm 970.000 cổ phiếu ưu đãi sẽ tiếp tục thực hiện chuyển nhượng sau khi kế hoạch công tác năm 2025 thông qua.

Trên đây là báo cáo tóm tắt nội dung của Hội đồng quản trị và thực hiện Nghị quyết của kế hoạch công tác năm 2024 và phương án công tác năm 2025.

Kính trình kế hoạch công tác xem xét.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC T CH**

Nội dung:

- Như trên;
- Lưu VP.

Nguyễn Thanh Nhã



BAN KIỂM SOÁT

Kết quả kiểm tra, giám sát tài chính năm 2024
t i

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM
(sổ lưu đặt trên BCTC hợp nhất đã kiểm toán)



Kính gửi: **Đội Kiểm tra Kế toán năm 2025**

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội lịch TP. Hồ Chí Minh

I. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị quyết số 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ nội quy hiện tại của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội lịch TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dựa trên số liệu BCTC hợp nhất sau kiểm toán năm 2024 do Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISIC phát hành,

II. Các thành viên Ban kiểm soát:

- Ông Nguyễn Việt Hùng – Trưởng Ban
- Ông Trần Minh Đức – Thành viên
- Bà Trần Thị Thanh Thảo – Thành viên

Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và minh bạch của nội dung trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tradincorp đã tiến hành giám sát thường xuyên, nhắc nhở theo kế hoạch năm 2024 với kết quả cụ thể như sau:

III. Nội dung kiểm soát:

- Giám sát tình hình SXKD năm 2024 và công tác quản lý tài chính của Công ty cho kỳ kiểm toán 01/01/2024 đến 31/12/2024.
- Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận, nợ quá hạn ...
- Giám sát thực hiện chế độ tài chính, sổ đăng các quyết định của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, các chế độ đãi ngộ và phúc lợi trong Công ty trong năm 2024.
- Giám sát thực hiện các nghĩa vụ chính sách của pháp luật bao gồm các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác trong năm 2024.



IV. Thời gian thực hiện: tháng 4/2025.

V. Kết quả thực hiện công tác kiểm soát năm 2024:

1. Thông tin Báo cáo tài chính (BCTC):

BCTC đã lập theo chu trình kế toán, kế toán Việt Nam và theo đúng quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính bao gồm:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo Kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin tức Moore AISC);
- Bảng Cân đối Kế toán thời điểm 31/12/2024;
- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD cho năm tài chính 2024;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2024;
- Thuyết minh BCTC.

Trên cơ sở kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin tức Moore AISC, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình của Công ty CP Tradincorp tính đến ngày 31/12/2024 của ngành hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kiểm toán từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, phù hợp chu trình, kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

2. Tình hình chi trả cổ tức năm 2023:

Thực hiện theo Nghị quyết số 014/2024/NQ-TRADIN-HC ngày 23/4/2024 của Hội đồng thành viên năm 2024, đã biểu quyết thông qua phương án không chia cổ tức năm 2023.

Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty CP Tradincorp đã rà soát lại danh sách cổ đông và thông báo cho các cổ đông chủ nhân các tài khoản mở tài khoản hành nghiệp vụ để còn lại, kết quả đã chi trả cho cổ đông chủ nhân các tài khoản mở tài khoản số tiền 2.076 triệu đồng.

3. Việc chấp hành chi thu nộp Ngân sách Nhà nước:

Trong năm 2024, Công ty thực hiện nghĩa vụ đóng thuế và các khoản phí nộp Nhà nước số tiền là 2.859 triệu đồng. Công ty thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước về thuế và các khoản phí nộp theo đúng quy định.

VI. Nhận xét:

1. Về tình hình hoạt động SXKD năm 2024 của Công ty:



Hoạt động SXKD năm 2024 Công ty CP Tradincorp trình kiểm toán như sau (sơ lược theo báo cáo của Công ty CP Tradincorp):

- Tổng doanh thu:	378.766.255.017	ng
- Tổng chi phí:	376.750.929.050	ng
- Lợi nhuận trước thuế:	2.015.325.967	ng
- Lợi nhuận sau thuế:	1.612.260.774	ng

Mẫu sơ lược trình bày trên BCTC năm 2024 phản ánh rõ ràng, chính xác tình hình hoạt động SXKD của Công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát, xét duyệt, phối hợp cùng nhân viên kiểm toán kiểm toán AISC tra soát sơ lược trình bày trên BCTC năm 2024 của Công ty CP Tradincorp. Kết quả, nhân viên kiểm toán kiểm toán AISC (sau đây gọi tắt là “nhân viên Kiểm toán”) đã thực hiện tính toán, hạch toán chi tiết, bổ sung các khoản chi phí như sau:

❖ *Phân bổ chi phí liên quan lý chung các năm 2022 – 2024 cho các công trình ghi nhận doanh thu cho phù hợp là 3.541.754.157 ng: trình bày Công ty CP Tradincorp ghi trình khoản chi phí đang 3.541.754.157 ng là Liên quan lý chung (các bộ phận kinh doanh, tài vụ, quản lý công trình, giám sát, ngân hàng, kế toán trên tài khoản 154xx chi phí phân bổ) các năm 2022 – 2024 liên quan công trình “Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tại KCN Công nghiệp Phước Ông”.*

Ngày 10/8/2024, Tradincorp đã hoàn tất việc thu hồi khoản công nợ 42.341.546.132 ng liên quan công trình “Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tại KCN Công nghiệp Phước Ông” của 06 nhóm hợp đồng Công ty HBM. Các Bên đã thực hiện ký biên bản thanh lý công nợ tiến hành rút khoản chi của Công ty Tradincorp và nhân phần của nhóm Công ty HBM.

Tradincorp đã thực hiện hạch toán ghi nhận doanh thu và giá trị liên quan công trình nêu trên. Theo đó, nhân viên kiểm toán hạch toán số tiền 3.541.754.157 ng trên vào chi phí, tuân thủ đúng chu trình kế toán hiện hành (ghi nhận doanh thu và chi phí kép thì).

❖ *Ghi nhận chi phí của các tài khoản theo dõi là CCDC đã thực hiện báo hành 3.722.845.692 ng: đây là chi phí báo hành các tài khoản đã thực hiện cho các Hợp đồng số 1204/2016/H -EVNHCMC-Tradincorp ngày 05/4/2016, số 4928/2016/H -EVNHCMC-Tradincorp ngày 15/11/2016. Các tài khoản trên công nợ tại các Công ty nội lịch đang hàng tồn kho thực hiện nghĩa vụ báo hành. Tuy nhiên, trong quá trình nhân viên kiểm toán tiến hành kiểm kê thực tế tài sản hàng hóa tại thời điểm 31/12/2024, các tài khoản trên đã có các Công ty nội lịch số đang tăng lên liên tiếp theo nội dung báo hành của hợp đồng.*



Do vậy, nội vụ kế toán nghiệp vụ hình thành toán số tiền 3.722.845.692 đồng trên vào chi phí, tuân thủ đúng chu trình kế toán hiện hành

❖ Ghi nhận chi phí các công trình đã thanh lý số tiền 1.417.929.924 đồng (đang hạch toán trên tài khoản 154xx - chi phí dở dang chia phân bổ): đây là các khoản chi phí dở dang của các Hợp đồng mà Tradincorp đã thanh lý trong năm 2024, nội vụ kế toán nghiệp vụ hình thành toán số tiền 1.417.929.924 đồng trên vào chi phí theo quy định nghiệp vụ tuân thủ đúng chu trình kế toán hiện hành (chi tiết các Hợp đồng theo phụ lục đính kèm).

❖ Ghi nhận chi phí dự phòng công nợ phải thu khó đòi N131 số tiền 258.569.061 đồng.

❖ Nội vụ chuyển khoản nộp Thuế TNDN số tiền (403.065.193) đồng: theo số liệu BCTC trước kế toán, lợi nhuận trước thuế của Tradincorp tăng lãi 2.015.325.967 đồng, ghi nhận thuế TNDN là 403.065.193 đồng. Tuy nhiên, sau khi kế toán BCTC chốt quyết toán SXKD của Tradincorp báo, số không chịu thuế TNDN nên nội vụ kế toán nghiệp vụ lợi trừ chi phí thuế TNDN khi BCTC.

Tổng cộng các khoản nghiệp vụ hình thành toán nội vụ chuyển tăng thêm chi phí năm 2024 trong hồ sơ quyết toán SXKD của Công ty Cổ phần Tradincorp là **8.538.033.641 đồng**. Theo đó, quyết toán hồ sơ quyết toán SXKD năm 2024 của Công ty Cổ phần Tradincorp xác nhận lợi nhuận sau kế toán **6.925.772.867 đồng**, cụ thể như sau:

- Lợi nhuận sau thuế trước kế toán: 1.612.260.774 đồng (1)
- Chi phí nghiệp vụ hình thành toán tăng thêm: 8.538.033.641 đồng (2)
- Lợi nhuận sau thuế sau kế toán: **- 6.925.772.867 đồng** [(3) = (1) - (2)]

2. Các chỉ tiêu tài chính:

- Tỷ trọng tài sản lưu động/tổng tài sản là 66,08%, giảm 0,71% so với năm 2023 là 66,79%.
- Hệ số tài trợ năm 2024 của công ty giảm 67,75%, tăng 1,55% so với năm 2023 là 66,20%.
- Chất lượng thanh toán năm 2024 đảm bảo an toàn và có biên độ tăng so với năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn năm > 1 lần và hệ số thanh toán nhanh năm $> 0,5$ lần: hệ số thanh toán hiện hành 2,05 lần (tăng 0,07 lần so với năm 2023 là 1,98 lần), hệ số thanh toán nhanh 1,66 lần (tăng 0,82 lần so với năm 2023 là 0,84 lần).
- Do lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2024 của Tradincorp báo, theo đó không xác nhận các Chỉ số suất LNST trên tổng tài sản (ROA), Chỉ số suất LNST trên VCSH (ROE).

3. Mối liên hệ nội dung lưu ý trong quá trình kiểm soát:

5 | -----
Tài liệu đính kèm công thức tổng hợp năm 2025. Tài liệu này công bố công khai và tiếp nhận
Việt và tiếp nhận Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa bản tiếng Việt và tiếp nhận
Anh thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên.



3.1 Công tác tái phát hành cổ phiếu ưu đãi:

Trong năm 2023, Công ty CP Tradincorp đã hoàn tất việc tái phát hành 1.000.000 cổ phiếu ưu đãi với giá trị 10 tỷ đồng (mỗi cổ phiếu 10.000 đồng/CP). Ngày 9/11/2023, VSDC đã hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phiếu ưu đãi và chuyển quyền sở hữu cho Nhà đầu tư.

Số cổ phiếu ưu đãi còn lại đã phát hành là 970.000 cổ phiếu. Hội đồng cổ đông năm 2024 đã thông qua phương án phát hành 970.000 cổ phiếu ưu đãi còn lại, tuy nhiên trong năm 2024 Công ty chưa thực hiện hoàn tất việc này do chưa tìm được nhà đầu tư nhận chuyển nhượng.

Đề kiến nghị chuyển nhượng 970.000 cổ phiếu ưu đãi tiếp tục thực hiện chuyển nhượng theo hình thức phát hành riêng lẻ sau khi có báo cáo và xin ý kiến thông qua từ Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

* **ánh giá của BKS:** Ban Kiểm soát đánh giá mức rủi ro của vấn đề này là “**R I RO CAO**”, do hiện nay tình hình hoạt động của Công ty CP Tradincorp gặp phần nhiều khó khăn và thiếu hụt tài chính. Công ty cần phải xem xét lý do từ bên trong này, thu hẹp chi phí vận hành SXKD của công ty.

3.2 Tổng công tác quản lý công nợ, thu hồi nợ ngắn hạn kế thừa và xử lý công nợ pháp lý SXKD (tính đến thời điểm 31/12/2024)

a) Công nợ phải thu của khách hàng:

STT	Bộ phận	Ngày 01/01/2024	Ngày 31/12/2024	Chênh lệch
1	Thương mại	16.690.338.550	14.788.397.025	(1.901.941.525)
2	Xây Lắp	37.092.558.737	11.035.224.645	(26.057.334.092)
3	Trung tâm tư vấn	8.866.660.586	7.555.766.871	(1.310.893.715)
TỔNG CỘNG		62.649.557.873	33.379.388.541	(29.270.169.332)

Đưa vào số liệu báo cáo của Ban điều hành Công ty CP Tradincorp, tình hình phải thu của khách hàng thời điểm 31/12/2024 **giảm 29,270 tỷ đồng** so với số liệu năm: Bộ phận xây lắp giảm công nợ 26,057 tỷ đồng, Bộ phận thương mại giảm công nợ 1,902 tỷ đồng và Bộ phận tư vấn giám sát giảm công nợ 1,311 tỷ đồng, do các công trình đã hoàn thành quy toán cuối năm trước và số còn thu hồi công nợ thông qua xuyên của Ban lãnh đạo Tradincorp, thể hiện khả năng kiểm soát tình hình thu hồi công nợ của công ty khá tốt.

* **ánh giá của BKS:** Ban Kiểm soát đánh giá mức rủi ro của vấn đề này là “**R I RO THẤP**”, tuy nhiên khuyến nghị Ban điều hành Công ty CP Tradincorp phải tiếp tục xuyên quan tâm theo dõi, ôn công tác thu hồi công nợ liên tục nhằm bảo vòng quay vốn hoạt động cho công ty.

**b) D phòng công nợ phải thu khó đòi của khách hàng:**

STT	TÊN CÔNG TY	01/01/2024	Phát sinh	31/12/2024
1	Công ty CP TST Engineering Việt Nam	160.773.338	0	160.773.338
2	Công ty CP Xây Dựng Hoàng Long	495.079.008	0	495.079.008
3	Công ty CP Xây Lập Toàn Trung	134.264.750	0	134.264.750
4	Công ty CP Địa ốc Bình Tân	350.000.000	0	350.000.000
5	TT Tín Thọ SPT-Công ty CP Dịch Vụ Bưu Chính Việt Nam Thông Sài Gòn	648.016.116	0	648.016.116
6	Công ty CP Công Trình Cửu Hà TPHCM	200.000.000	(200.000.000)	0
7	Công ty CP Đầu Tư BSB Long	276.210.310	0	276.210.310
8	Công ty CP Tập đoàn Xanh	36.000.000	0	36.000.000
9	Công ty TNHH Xây Dựng S9	1.314.603.549	1.636.580.711	2.951.184.260
10	Ban Quản Lý Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Quận 6	40.620.172	0	40.620.172
11	Công ty CP Năng Lượng Việt Nam	93.091.090	0	93.091.090
12	Ban QL T XD CT Nâng Cấp Đô Thị Thành Phố	60.000.000	0	60.000.000
13	BQL T Xây Dựng Công Trình Quận Bình Tân	12.758.000	0	12.758.000
14	Công ty TNHH Kỹ Thuật NNB	0	258.569.061	258.569.061
Tổng cộng		4.564.056.641	1.695.149.772	6.259.206.413

*** Ảnh hưởng của BKS:**

Tình hình thu hồi nợ phải thu khó đòi không có sự thay đổi đáng kể, trong năm 2024 công ty thu hồi các khoản nợ khó đòi 200 triệu đồng. Công ty CP Công Trình Cửu Hà TPHCM, nợ phải thu trích lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi 1.895 triệu đồng từ các khách hàng Công ty TNHH Xây Dựng S9 và Công ty TNHH Kỹ Thuật NNB.

c) Công nợ phải thu khác của khách hàng:



STT	Loại hình	Ngày 01/01/2024	Ngày 31/12/2024	Chênh lệch
1	Phí thu khác	11.817.057.330	6.665.897.124	(5.151.160.206)

Công nợ phí thu khác tính đến 31/12/2024 giảm 5,151 tỷ đồng so với số liệu năm, chủ yếu giảm do ảnh hưởng thanh toán cho khách hàng các khoản thanh toán ký cược, ký quỹ với Ngân hàng ACB nhằm bảo đảm thanh toán cho các hợp đồng của công ty cụ thể như sau:

d) D phòng công nợ phí thu khác khó đòi của khách hàng:

STT	TÊN CÔNG TY	01/01/2024	Phát sinh	31/12/2024
1	Công ty CP TST Engineering Việt Nam	1.705.915.923	0	1.705.915.923
2	Công ty TNHH Thương Mại & Dịch vụ PTN	1.179.061.489	0	1.179.061.489
3	Công ty TNHH Nam Long	412.970.340	0	412.970.340
4	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật DELTA TECH	313.792.920	0	313.792.920
5	Công ty TNHH TM Thái Sơn Nam	15.877.048	0	15.877.048
6	Kho Bạc Nhà Ngân hàng TP HCM	338.221.078	0	338.221.078
7	Khách lẻ (chi phí Vé Máy Bay Trên Việt)	15.491.554	0	15.491.554
Tổng cộng		3.981.330.352	0	3.981.330.352

Tình hình thu hồi nợ phí thu khác khó đòi không có sự thay đổi trong năm 2024. Ban Kiểm soát đánh giá mức rủi ro của vấn đề này là “R I RO CAO”, có rủi ro khi khoản khó có khả năng thu hồi làm tăng gánh nặng chi phí cho công ty thể hiện trên trích lập dự phòng (ghi nhận chi phí tài khoản 642xx – Chi phí quản lý doanh nghiệp).

* **ánh giá của BKS về các khoản phí thu khó đòi:**

Ban Kiểm soát đánh giá mức rủi ro về các khoản phí thu khó đòi là “R I RO CAO”, có rủi ro khi khoản phí thu khó có khả năng thu hồi làm tăng gánh nặng chi phí cho công ty thể hiện trên trích lập dự phòng (ghi nhận chi phí tài khoản 642xx – Chi phí quản lý doanh nghiệp). Khuyến nghị Ban điều hành Công ty CP Tradincorp theo dõi các khoản nợ trên, kịp thời có biện pháp thu hồi, không nới lỏng, kéo dài nợ. Việc xử lý các khoản nợ khó đòi cần căn cứ theo đúng quy định hiện hành (Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019,



Thông tin số 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022, Văn bản hướng dẫn số 16/VBHN-BTC ngày 07/7/2022).

e) Công tác chi tiêu lý công nợ phải thu:

Theo báo cáo của Ban điều hành Công ty về việc triển khai công tác xử lý nợ phải thu như sau:

- Thành lập tổ thu hồi nợ, Trưởng tổ thu hồi nợ là người đứng đầu lãnh đạo Tradincorp và các Trưởng các phòng ban. Tổ thu hồi nợ tổ chức công tác tuyên truyền, tích cực và có báo cáo kết quả thu hồi nợ hàng tuần, hàng tháng.
- Lên danh sách công nợ cần tiếp cận khách hàng, theo từng tuần và lên kế hoạch ôn tập thu hồi nợ chi tiết rõ ràng về việc tiếp cận khách hàng. Phân công cụ thể thời gian xử lý, ôn tập khách hàng cụ thể.
- Về việc các khoản công nợ có thời gian chần chừ thu hồi khá lâu, Ban lãnh đạo Tradincorp lên kế hoạch cụ thể như: tiếp xúc liên hệ với khách hàng, hẹn và gặp trực tiếp khách hàng để phân tích xử lý thu hồi nợ theo hướng: xử lý giãn nợ, chia công nợ thu hồi dần, hoặc bù trừ công nợ (nếu có), chung tay phân hệ với khách hàng có tính tích cực trong việc trả nợ.
- Khách hàng có công nợ khó đòi khá lâu, sau khi sử dụng các biện pháp ôn tập thu hồi nợ như trên mà vẫn chưa thu hồi được. Ban lãnh đạo Tradincorp xác định nhóm khách hàng này thuộc diện công nợ khó đòi có rủi ro không trả nợ cho Tradincorp, khi đó Ban lãnh đạo sẽ lên phương án trích lập dự phòng rủi ro giảm thiểu rủi ro tài chính Công ty sau này và thực hiện trích lập dự phòng theo quy định. Bên cạnh việc trích lập dự phòng, Ban lãnh đạo Tradincorp lên phương án kiện hành chính khởi kiện ra tòa, nộp vào tòa án có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế khách hàng thu hồi công nợ khó đòi lâu năm.
- Ngoài việc xử lý các biện pháp như trên, Ban lãnh đạo Công ty hiện nay đang lên kế hoạch bán các khoản nợ khó đòi khá lâu này cho các Trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Ban kiểm soát đánh giá công tác thu hồi nợ của Công ty có sự chuyển biến tích cực so với các năm trước, tuy nhiên về việc các khoản nợ phải thu khó đòi kéo dài nhiều năm chưa có Công ty ghi quyết định xử lý nợ về việc trích lập dự phòng, tăng chi phí của công ty, ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Ban kiểm soát khuyến nghị Ban điều hành Công ty cần thực hiện các biện pháp quy định về việc các khách hàng nợ khó đòi theo đúng quy định pháp luật.

3.3 Công tác quản lý tài sản nh:



Công ty CP Tradincorp hiện nay đang quản lý tài sản công (TSC) như sau:

- Tài sản 170 tính đến số 28: thặng dư TSC bắt đầu tháng 01/2023 với nguyên giá 25.391.677.273 đồng, bao gồm (i) giá trị là 25.125.950.000 đồng và (ii) giá trị tài sản trên là 265.727.273 đồng (thì gian khấu hao 25 năm, đã trích khấu hao 10.629.096 đồng; giá trị tài sản trên còn lại là 255.098.177 đồng). Tổng giá trị còn lại của tài sản là 25.381.048.177 đồng.
- Tài sản 303 (số 180) tính đến số 28: thặng dư TSC bắt đầu tháng 06/2021 với nguyên giá 24.018.212.906 đồng, bao gồm (i) giá trị là 11.658.000.000 đồng và (ii) giá trị tài sản trên là 12.360.212.906 đồng (thì gian khấu hao 25 năm, đã trích khấu hao 1.433.784.705 đồng; giá trị tài sản trên còn lại là 10.926.428.201 đồng). Tổng giá trị còn lại của tài sản là 22.584.428.201 đồng.

Hiện nay, các TSC nêu trên đang có Công ty CP Tradincorp sử dụng làm tài sản cầm cố cho Hợp đồng tín dụng số SGD.DN.2451.220523/S BS-08 ngày 21/05/2024 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB). Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, m/L/C, ... với hạn mức tín dụng là 44.000.000.000 đồng, trong đó đã vay tối đa 22.000.000.000 đồng. Thời hạn vay và lãi suất theo quy định của hợp đồng vay.

Từ Tài sản 170 tính đến số 28, hiện nay Công ty chưa có phòng án kinh doanh để thu doanh thu, do chưa tìm được khách thuê mặt bằng (hiện đang thuê phòng làm nhà kho và bãi xe cho nhân viên công ty).

* **ánh giá của BKS:**

Ban Kiểm soát đánh giá các rủi ro cơ cấu và sự đa dạng của Tài sản 170 tính đến số 28 là "**R I R O CAO**", do Công ty CP Tradincorp chưa có phòng án sử dụng để khai thác kinh doanh mặt bằng góp phần tăng doanh thu cho công ty, gây nên hình thành nên nhu cầu sử dụng vốn khi đầu tư vào tài sản như không phát sinh lợi nhuận qua nhiều năm, gây lãng phí tài nguyên và vốn của Chủ sở hữu. Khuyến nghị Ban điều hành Công ty CP Tradincorp kiểm tra quản lý các phòng án sử dụng để đầu tư tài sản này.

3.4 Tình hình xử lý công nợ đối với 6 gói thu solar HBM:

Đối với việc xử lý các nội dung liên quan đến 6 Hợp đồng giữa Công ty Tradincorp và các Chủ đầu tư HBM ký ngày 12/11/2020 để thi công thi công, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình "Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái hòa lưới 1 x 925KWP tại KCN Củ Chi Công nghệ", Ban kiểm soát ghi nhận Ban điều hành Công ty đã triển khai hiệu quả các giải pháp nhằm giải quyết dứt điểm các nội dung không thanh toán giữa 2 bên, tạo hoàn tất việc quy toán công nợ phi thu liên quan đến 6 hợp đồng solar. **Đánh giá:**



31/12/2024 Công ty CP Tradincorp đã nhận toàn bộ số tiền còn lại của 6 Hợp đồng solar là 42.341.546.132 đồng. Công ty đã ghi nhận doanh thu, kết chuyển chi phí SXKD đang liên quan đến Hợp đồng Solar KCN Củ Chi và Công đồng trong năm 2024.

3.5 Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện gió Công H 1:

Trong việc đầu tư hợp tác giữa Tradincorp và Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn theo Hợp đồng số 11/CNS-NCPT và các Phụ lục Hợp đồng đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện gió Công H 1, Tradincorp đã góp 31.122.853.312 đồng vốn do khó khăn về tài chính nên từ tháng 09/2017 đến nay Tradincorp đã có nhu cầu vay vốn ngân hàng CNS xin vay góp vốn dự án.

Theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư ban đầu và các Hợp đồng hợp tác đã ký, dự kiến thi công hoàn thành dự án vào tháng 8/2015. Tuy nhiên do tình hình bất ổn kinh tế do chiến tranh, Liên bang Nga bị cấm vận nên thi công bị đình trệ kéo dài. Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty Tradincorp đã có công văn số 0168/CV-TRADIN-QLDA ngày 12/03/2018 gửi Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn (CNS) xin được góp vốn các giai đoạn tiếp theo của dự án và ngân hàng CNS hỗ trợ phần vốn góp còn lại hoặc tìm kiếm nhà đầu tư khác để tiếp tục dự án thực hiện khai thác. Tuy nhiên, ngày 14/06/2024 CNS có công văn số 395/CNS-QLDA gửi Công ty Tradincorp thông báo ngừng hợp tác góp vốn trong việc đầu tư sản xuất thử nghiệm “Tủ máy phát điện chyllen sinh học gió, 2h cánh quạt trục InS-W-1000”, Tổng giám đốc có Văn bản báo cáo Hội đồng Quản trị số 584/BC-TRADIN-QLDA ngày 26/06/2024, báo cáo tiến độ thi công và kết quả thực hiện của dự án, đồng thời có xu hướng ngừng Hội đồng Quản trị xem xét lại các phương án tiếp tục trong quá trình thi công dự án. Hội đồng Quản trị đã quyết định ngưng việc góp vốn tiếp tục cho dự án do không có nguồn tài chính.

Không vì phạm hợp đồng đã ký với InS, tháng 8/2024 CNS đã tạm ngưng thanh toán đợt 7 lần 2 cho InS với số tiền là 750.000 USD đồng thời InS đang thi công các công việc liên quan thử nghiệm ngoài trời. Hiện nay Tradincorp đang triển khai tìm kiếm các Nhà đầu tư, đối tác nhà sản xuất, tuy nhiên việc sản xuất chế tạo thi công khi đối tác Nga sản xuất thành công tủ máy phát điện, nên nhà Công ty Tradincorp trong trường hợp thu lại vốn việc sản xuất sản phẩm thi công trong năm 2025 – 2026 (sau khi thử nghiệm ngoài trời 01 tủ máy thành công tại Nga, dự kiến quý II/2025).

Ban kiểm soát khuyến nghị Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty tiếp tục theo dõi tiến độ thi công dự án, nhận diện các vấn đề có thể xảy ra trong quá trình hợp tác đầu tư nhằm xử lý các biện pháp phòng ngừa rủi ro, bên cạnh đó Tradincorp cần tích cực tìm kiếm các Nhà đầu tư, đối tác nhà sản xuất đồng ý đầu tư nhận thu hồi vốn.



3.6 Tình hình thực hiện dự án: “Xây dựng hạ tầng mương, hào kè thu nước và nâng cấp vỉa hè mương hóa lị lị và cấp vỉa hè thông trong dự án nâng cấp tuyến đường Lị lị nh C, Quận 2”

Dự án: “Xây dựng hạ tầng mương, hào kè thu nước và nâng cấp vỉa hè mương hóa lị lị và cấp vỉa hè thông trong dự án nâng cấp tuyến đường Lị lị nh C, Quận 2” được thực hiện theo quy định phê duyệt số 368/QĐ-TRADIN-QLDA ngày 27/04/2016, tổng mức đầu tư dự án 46,068 tỷ đồng, dự án đăng ký nhận giá trị xây dựng đang ã ghi nhận ngày 31/12/2024 là 26,7 tỷ đồng, dự án thi công từ năm 2017 nhằm giảm thiểu công do chướng ngại vật giao thông thi công.

Nhà thầu Ban QLDA Giao thông TP.HCM bàn giao mặt bằng mặt số và yêu cầu Tradincorp hoàn thiện hạ tầng mương, hào kè thu nước; lắp đặt; lắp đặt trạm biến áp, trạm RMU, trạm điện, ... để tiếp tục triển khai dự án, Tradincorp phải chi trả bổ sung nhân viên tính khoảng 7,5 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2025 hoàn thiện thi công trong khu vực tuyến đường Trần Nãi Nguyễn Hoàng và tháng 12 năm 2025 là 5,23 tỷ đồng có thể hoàn thành nút giao An Phú.

Do các chỉ tiêu kinh tế dự án tính toán từ năm 2016 nay có nhiều thay đổi, nên tiếp tục triển khai dự án cần có đánh giá lại mức khả thi của dự án phân tích những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện và khai thác dự án. Ban Kiểm soát khuyến nghị Công ty cần thực hiện đánh giá lại thời gian hoàn vốn dự án báo cáo cho HĐQT và các Cổ đông.

Ban Kiểm soát nhận thấy mức rủi ro của Dự án tăng cao do ã đầu tư lâu năm chưa hoàn thành, nghiêm túc quy toán vào sổ đỏ đồng thời tin cho công ty; ngoài ra cần xác định rõ chi phí thu được tính trong tổng lại của dự án bù đắp chi phí đầu tư và chi phí cố định của dự án (thời gian đồng thời không hoàn thành từ năm 2017 nay).

3.7 Các vấn đề rủi ro khác nhau trong hoạt động của Công ty:

a. Các vấn đề liên quan đến trong BCTC:

Trong quá trình kiểm toán nội bộ kiểm toán có nêu một số ý kiến đóng góp, có thể gây rủi ro cho hoạt động của Công ty CP Tradincorp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Công ty chưa xem xét việc theo dõi chi tiêu chi phí quản lý chung ã phát sinh từ năm 2022 của các bộ phận như chi phí xây lắp xác định giá thành của các sản phẩm xây lắp hoàn thành bán ra trong năm 2024. Do đó, Ban Tổng giám đốc Công ty chưa thực hiện phân bổ chi phí quản lý chung đăng ký nhận từ tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh đang tính ngày 31/12/2024 với số tiền **12.498.253.760 đồng** cho phù hợp với doanh thu của các công trình ghi nhận trong năm hiện hành. Việc này có thể dẫn đến chi phí trong năm 2024 chưa phản ánh đúng và chính xác (nếu có) nên kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.



- Ngoài ra, Công ty cũng đã xem xét đánh giá tác động cho các chi phí sản xuất kinh doanh đang hiện hữu có giá trị tính ngày 31/12/2024 là **1.563.820.450 ng.**

Dựa trên các tài liệu do CP Tradincorp cung cấp và các thủ tục kế toán thay thế các khoản, nên việc kế toán không xác định chính xác số tiền cần phân bổ và giá trị dự phòng tác động ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm hiện hành. Tuy nhiên, tác động của vấn đề này không có ảnh hưởng lan tỏa đáng kể tới báo cáo tài chính riêng năm 2024.

*** đánh giá của BKS:**

Ban Kiểm soát đánh giá mà chúng tôi có được trong năm này là “**R IRO R T CAO**”, do khoản mục lỗi trên nêu trên không ảnh hưởng tới lợi nhuận hoạt động SXKD của Tradincorp, do công ty phân bổ chi phí hoạt động của công ty trong các năm tiếp theo. Vì vậy, chúng tôi nêu các rủi ro sau:

- Trường hợp ghi nhận đầy đủ chi phí trong năm 2025: công ty tiếp tục bị lỗ trong năm 2025, sẽ rất khó khăn trong việc khắc phục tình trạng lỗ lũy kế.
- Trường hợp Ban điều hành Tradincorp xử lý dự kiến khoản chi phí, ghi nhận phân bổ chi phí dự kiến cho các năm: tình hình tài chính các năm của công ty phản ánh kết quả SXKD lãi/lỗ không thực tế và ảnh hưởng đến nhân viên của công ty cũng như của Chủ sở hữu.
- Các năm tiếp theo BCTC sẽ liên tục bị ghi nhận vào ý kiến lưu ý, dự kiến chi phí của công ty (mã chi phí HTE) bị UBCK Nhà nước liệt vào diện chi phí của nhà báo.

b. Chi phí dự đang chưa kết chuyển trên BCTC năm 2024

Tổng chi phí dự đang chưa kết chuyển đến 31/12/2024 trình bày trên BCTC đã kế toán năm 2024 là 40,914 triệu đồng, Ban kiểm soát nghi ngờ kế toán làm rõ tình hình khoản mục đang tồn đọng vì ít ghi nhận, tuy nhiên số liệu chi phí dự đang tồn đọng năm 2022 trở về trước (Bao gồm chi phí tài trợ và chi phí chung) cho các hợp đồng đã ghi nhận doanh thu nhưng chưa kết chuyển chi phí phát sinh trong năm phát sinh. Dự kiến Công ty sẽ xử lý và tìm cách phân bổ hết chi phí dự đang tồn đọng vào các năm tiếp theo và sẽ làm ảnh hưởng đến lãi/lỗ hàng năm của Công ty. Sai sót này vô hình chung đã làm cho Công ty hàng năm lãi/lỗ không thực tế và ảnh hưởng đến nhân viên của công ty cũng như của Chủ sở hữu.

*** đánh giá của BKS:**

Ban Kiểm soát đánh giá mà chúng tôi có được trong năm này là “**R IRO CAO**”, vì xử lý kết chuyển khoản chi phí dự đang tồn đọng lâu năm chưa kết chuyển sẽ làm tăng chi phí, giá trị áp dụng SXKD cho Tradincorp trong tình hình khó khăn hiện nay.



c. Các vấn đề khác:

- Hàng tồn kho là các hàng hóa (đang hạch toán trên tài khoản 156) không bị ngừng trong năm là 1.127.253.809 đồng, trong đó số hàng hóa tồn kho hiện tại và không kiểm kê là **598.118.127** đồng. Công ty CP Tradincorp ghi lý do tồn tại trong năm 2025.
- Các công nợ ngắn hạn cho người bán không bị ngừng kiểm kê xem xét đánh giá khả năng thu hồi. Giá trị sổ sách tính ngày 31/12/2024 là 344.573.503 đồng (nội kiểm toán kiểm toán độc lập dự phòng cho các khoản này là 296.268.149 đồng).
- Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Công nghệ Việt Nga có giá trị 500.000.000 đồng, hiện tại công ty này ngừng hoạt động. Nội kiểm toán kiểm toán độc lập Công ty CP Tradincorp đánh giá giá trị thực tế cho khoản đầu tư này.
- Khoản phải thu ngắn hạn RMU thu của Hợp đồng số 4376 và 4377/2018/H - EVNHCMC-Tradincorp ngày 25/10/2018 với giá trị là 4.697.749.200 đồng.
- Nợ phải thu của Công ty Cổ phần Xây dựng Tuấn Lạc đánh giá khó có khả năng thu hồi là **3.342.895.347** đồng.
- Các chi phí trả các nợ thuế cho công lý kết thúc tính đến 31/12/2024 là **12.999.903.573** đồng. Trong quá trình chờ xác minh công chi trả thuế, Công ty CP Tradincorp đang sử dụng làm vốn lưu động phục vụ SXKD của công ty.

* **ánh giá của BKS:** Ban Kiểm soát đánh giá mức rủi ro của các vấn đề này là “**R I R O R T CAO**”, có rủi ro hiện tại nhưng chỉ mức độ ngắn hạn dài hạn không sinh ra lợi nhuận (khoản đầu tư Việt Nga, Dự án Lăng Ông Nhỏ), hoặc có khả năng gây thất thoát vốn cho Chủ sở hữu (các khoản công nợ, phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho không kiểm kê).

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết HĐQT tháng 12 năm 2024 (Nghị quyết 014/2024/NQ-TRADIN- HĐQT ngày 23/4/2024):

- **Kết quả hoạt động SXKD:**
 - + Tổng doanh thu: **378.766 triệu đồng**, tăng 199,05% kế hoạch năm 2024 đã được HĐQT thông qua (190.284 triệu đồng). Tổng doanh thu năm 2024 tăng cao so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm ngoái do: (i) Tradincorp nhận được sự hỗ trợ thông qua các Hợp đồng mua bán thương mại với các nhà cung cấp thực tế công lập Tổng công ty nội địa TP.HCM (EVNHCMC) và Tổng công ty nội địa miền Nam (EVNSPC), tuy nhiên chất lượng doanh số hợp đồng, suất sinh lợi không cao; (ii) doanh thu hoạt động xây dựng năm 2024 tăng trưởng



m nh, do trong năm phát sinh nghĩa vụ/thanh lý các hợp đồng và các Công ty HBM và doanh số 89.831 triệu đồng.

- + Tổng chi phí: 384.500 triệu đồng, (t 204,02% kế hoạch – 188.461 triệu đồng). Tỷ lệ TH/KH về chi phí cao hơn tỷ lệ TH/KH về doanh thu, dẫn đến lợi nhuận bị lỗ, chưa đạt kế hoạch.
- + Tổng lợi nhuận trước thuế: 15.733 triệu đồng, chưa đạt kế hoạch năm 2024 đã được Hội đồng thông qua (1.823 triệu đồng).
- + Tổng lợi nhuận sau thuế: 16.926 triệu đồng, chưa đạt kế hoạch năm 2023 đã được Hội đồng thông qua (1.459 triệu đồng).
- + Cổ tức: năm 2024 Công ty CP Tradincorp không chia cổ tức.

Như vậy, năm 2024 Công ty CP Tradincorp thực hiện chưa đạt kế hoạch do Hội đồng thông qua.

- *Chi trả cổ tức năm 2023*: Thực hiện theo Nghị quyết số 014/2024/NQ-TRADIN- Hội đồng ngày 23/4/2024 của Hội đồng thành niên 2024, đã bị ủy quyền thông qua phòng án không chia cổ tức năm 2023.

Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty CP Tradincorp đã rà soát lại danh sách công nợ và thông báo cho các công nợ chủ nợ để tiếp tục các năm trước tiến hành thanh toán nợ còn lại, kết quả đã chi trả cho công nợ chủ nợ các năm trước số tiền 3.443 triệu đồng.

Cổ tức phải trả các năm trước cho công nợ lý kết đến thời điểm 31/12/2024 là 12.999.903.573 đồng. Trong quá trình chưa xác nhận công nợ chi trả cổ tức, Công ty CP Tradincorp đang sử dụng làm vốn lưu động phục vụ SXKD của công ty.

- *Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát*: Công ty đã thực hiện chi trả thù lao đúng theo tinh thần của Nghị quyết Hội đồng thành niên 2024.
- *Quy định cho Hội đồng Quản trị chọn và giao Ban kiểm toán BCTC năm 2024*: Hội đồng Quản trị công ty đã lựa chọn và giao Ban kiểm toán Công ty ký kết Hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin tức Moore AISIC thực hiện việc kiểm toán BCTC 6T năm 2024 và năm 2024.

VII. Các xu hướng, kiến nghị:

Căn cứ các nội dung báo cáo nêu trên, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị sau:

1. **Kiến nghị Hội đồng Quản trị, Ban kiểm toán Công ty CP Tradincorp các nội dung sau:**



- Ghi nhận số tiền của nhóm Ngõ 1 đi vận chuyển, HQT và Ban điều hành Công ty CP Tradincorp trong công tác chi tiêu lý luận phí thu, trong đó chi lý luận phí thu chi phí thu hồi công nợ 42,34 triệu đồng liên quan công nợ công trình “Hệ thống chiếu sáng công cộng chiếu sáng mái nhà 11 x 925KWP tại KCN Củ Chi Công nghệ” của 06 nhóm hộ gia đình Công ty HBM.
- Ủy ban Quản lý và Ban điều hành Công ty nhanh tiến xử lý khoản chi phí chưa thanh toán (970.000 đồng chi phí) có tính **ri ro cao**, nhằm thu hồi vốn chi phí công tác SXKD cho Công ty (sau khi Hội đồng Giám sát năm 2025 thông qua).
- Ủy ban Quản lý và Ban điều hành Công ty tiếp tục giám sát chi tiêu lý luận phí thu: xác định yêu cầu công nợ; có biện pháp thu hồi và tiến hành khởi kiện ra tòa; xử lý trách nhiệm của các cá nhân có liên quan đã không thực hiện các biện pháp thu hồi nợ khoản chi phí thu đã quá hạn thanh toán, không thu hồi hoặc khó thu hồi chi phí.
- Ủy ban Quản lý và Ban điều hành Công ty CP Tradincorp làm việc với Ban Kiểm toán nội bộ để đánh giá chi phí chi trả chi phí kiểm tra, rà soát và phân tích rõ các khoản doanh thu, chi phí theo công trình chi tiêu liên quan các văn bản công nợ nội bộ trong BCTC sau kiểm toán năm 2024 và Ban kiểm toán Công ty đã đánh giá mức **“ri ro r t cao”** tại điểm M c 3.7 (gồm chi phí tài trợ và chi phí quản lý chung phát sinh từ trước năm 2022 của tổng bộ phận vật tư tài trợ **12.498.253.760 đồng** và khoản chi phí sản xuất kinh doanh đang nhàn năm có giá trị tại ngày 31/12/2024 là **1.563.820.450 đồng**).
- Ủy ban Quản lý và Ban điều hành Công ty CP Tradincorp làm rõ chi tiết các khoản chi phí đang 40,914 triệu đồng trong BCTC năm 2024 (trình bày trong điểm b M c 3.7) cho tổng hợp ngân sách và thực hiện kiểm soát hàng tháng kết chuyển kết quả khi hoàn thành công trình, ghi nhận doanh thu.
- Ủy ban Quản lý và Ban điều hành Công ty CP Tradincorp thực hiện kiểm tra, rà soát và báo cáo về hàng hóa tài khoản nhàn năm và không kiểm soát là **598.118.127 đồng**, có ý kiến xử lý trách nhiệm cá nhân, tiếp tục trong tổng hợp xử lý ra khỏi thoát hàng hóa trong quá trình giao quản lý (Ban kiểm toán đã đánh giá mức **“ri ro r t cao”** tại điểm M c 3.7).
- Ủy ban Quản lý và Ban điều hành Công ty CP Tradincorp thực hiện kiểm tra, rà soát và báo cáo về các khoản công nợ chi trả cho người bán không bị ngừng chi tiêu xem xét đánh giá khoản thu hồi chi phí giá trị sách tại ngày 31/12/2024 là **344.573.503 đồng** (Ban kiểm toán đã đánh giá mức **“ri ro r t cao”** tại điểm b M c 4.7).



- Nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tiếp tục bám sát các thông tin liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện gió Công Hải (trực tiếp vận hành và vận hành công ty Công nghiệp Sài Gòn), có báo cáo kết quả cho Chủ sở hữu. Đồng thời, triển khai phân tích và lập trình thực hiện xử lý, khắc phục các khoản thu hồi các khoản đầu tư không mang lại hiệu quả như sau: Công ty TNHH Công nghiệp Việt Nga 500 triệu đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng nội lịch Việt Nam (EVNIC) 1,2 triệu đồng. Xem xét đưa vào diện **Rủi ro rất cao**, cần thực hiện “giám sát đặc biệt” và có phương án xử lý.
- Nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty sớm có phương án sản xuất, khai thác có hiệu quả và đảm bảo năng suất 170 tấn/bình quân 28 triệu đồng/người thu nhập bình quân bổ sung vào nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Về dự án Lăng nhai Cá, **mức rủi ro cao Dự án ngành cao** do đã đầu tư lâu nay chưa hoàn thành, nghiêm túc quy toán đưa vào sổ đỏ để chờ đợi tiến cho công ty; ngoài ra cần xác định rõ các nguồn thu dự tính trong tương lai của dự án bù đắp chi phí đầu tư và chi phí khác của dự án (thời gian chờ đợi tiến không hoạt động năm 2017 nay). Do vậy, kính nghị Hội đồng quản trị có văn bản xin ý kiến EVNHCMC nhằm xem xét, đánh giá về Dự án (tổng mức đầu tư, lợi nhuận dự kiến, thời điểm hoàn vốn, đánh giá mức rủi ro của dự án...), xem tính hiệu quả của Dự án này, để có cơ sở vì các tiếp tục triển khai hay dừng đầu tư Dự án.

2. Kính nghị Hội đồng thường niên xem xét, thông qua kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Tradincorp trong thời gian tới, về các nội dung công việc cụ thể như sau:

TT	Nội dung công việc	Chức vụ	Phân công thực hiện	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1	Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT; Giám sát hoạt động HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Tháng xuyên	
2	Báo cáo công tác kiểm soát của BKS tại Hội đồng thường niên.	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Thời gian Hội đồng thường niên	



3	Tham dự các cuộc họp của HĐQT	Chủ tịch HĐQT	H. QT, BKS	Theo thẩm định của HĐQT	
4	Kiểm soát, giám sát thực hiện xuyên suốt và thực hiện các khác theo quy định về công tác kiểm soát nội bộ, giám sát tài chính và kiểm soát tuân thủ	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Nếu thấy bất thường	
5	Giám sát kiểm toán cuối năm (6 tháng năm 2025)	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Theo quy định	
6	Rà soát báo cáo tài chính Quý 3/2025	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Theo quy định	
7	Kiểm soát tình hình xử lý nợ phải thu khó đòi, tình hình trích lập nợ phải thu khó đòi sau báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Tháng 05/2025	
8	Kiểm soát chuyên tình hình hoạt động SXKD năm 2025.	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Đến hết tháng 9/2025	
9	Báo cáo tình hình kinh doanh năm 2025 và lập kế hoạch KTGS năm 2026	Trưởng BKS	Thành viên BKS	Theo quy định	

3. Ngoài các đánh giá nhận xét nội dung tính chất rủi ro nêu trên, Ban kiểm soát có một số kiến nghị Ban Giám đốc Công ty CP Tradincorp và công tác tài chính kế toán và công tác quản trị như sau:

- Về việc công tác trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: kiến nghị Ban Giám đốc Công ty thu thập đầy đủ hồ sơ, chứng cứ để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đúng Thông tư 48/2019/TT-BTC nhằm hạn chế rủi ro bất cập về chi phí tài chính khi xác nhận thu nhập chịu thuế trong trường hợp quản lý thu thanh tra, kiểm tra.
- Kiến nghị Ban Giám đốc Tài chính Kế toán của Công ty CP Tradincorp phải thực hiện xuyên suốt, liên tục kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán đúng quy định hiện hành, chu đáo công tác kế toán; có báo cáo kịp thời cho Ban Giám đốc Công ty về tình hình cân đối tài chính và các chi phí có liên



ngày phát sinh rủi ro, có báo cáo cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần có các chi tiêu, chi u hành trong công tác SXKD nhằm mục tiêu tối ưu nhu cầu, ngành thị trường phân và hạn chế rủi ro liên quan đến khoản lỗ kế toán công ty trong thời gian tới.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty CP Tradincorp thực hiện các biện pháp, giải pháp nhằm bổ gia tăng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch tình trạng năm 2024, có lộ trình xử lý dứt điểm các khoản chi phí đang đang treo nhieu năm và bổ toàn vốn chi số h u.

Trên đây là các nội dung báo cáo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nội l c TP.HCM (Công ty CP Tradincorp) trong năm 2024, Ban Kiểm soát kính báo cáo Hội đồng TV EVNHCMC xem xét, có ý kiến chi oth c h i n.

Kính trình Hội đồng xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯNG BAN KIỂM SOÁT**

Nội dung:

- Nội dung:
- Lưu: BKS, NVH.

Đính kèm:

- Các Phụ lục liên quan báo cáo.

Nguyễn Việt Hùng

**PHỤ LỤC 1 - BẢNG CÂN ĐỐI TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư (Tính 31/12/2024)	Số dư (Tính 01/01/2024)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	217.407.870.587	232.154.615.069
Tiền và các khoản thanh toán	110	41.948.609.068	14.658.973.760
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	96.960.185.094	17.674.299.433
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	37.373.598.120	66.062.093.326
<i>D phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>137</i>	<i>(7.861.315.746)</i>	<i>(7.802.746.685)</i>
Hàng tồn kho	140	41.124.918.305	133.673.782.288
Tài sản ngắn hạn khác	150	560.000	85.466.262
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	111.616.149.106	115.445.564.528
Các khoản phải thu dài hạn	210	32.742.580.845	37.791.411.696
Tài sản cố định	220	54.216.530.389	55.267.001.208
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221</i>	<i>17.432.580.389</i>	<i>18.483.051.208</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>223</i>	<i>36.783.950.000</i>	<i>36.783.950.000</i>
Tài sản đang dài hạn	240	23.485.907.100	21.217.212.949
Đầu tư tài chính dài hạn	250	1.092.603.100	1.092.603.100
Tài sản dài hạn khác	260	78.527.672	77.335.575
NỢ PHẢI TRẢ	300	106.122.779.101	117.500.966.138
Nợ ngắn hạn	310	106.075.845.597	117.381.967.533
Nợ dài hạn	330	46.933.504	118.998.605
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	222.901.240.592	230.099.213.459
Vốn chủ sở hữu	410	222.901.240.592	230.099.213.459
<i>Vn góp c a ch s h u</i>	<i>411</i>	<i>236.081.650.000</i>	<i>236.081.650.000</i>
Ngũn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
TỔNG CÂN TÀI SẢN - NGUỒN VỐN	440	329.024.019.693	347.600.179.597

**PHỤ LỤC 2 - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	377.831.884.690	160.550.084.687
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	77.831.884.690	160.550.084.687
4.	Giá trị hàng bán	11	VI.4	377.570.137.173	154.182.851.951
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		261.747.517	6.367.232.736
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	910.555.497	746.632.297
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	2.054.795	7.680.849
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.054.795	7.680.849
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6.160.169.142	5.997.823.948
10.	Lợi nhuận trước thuế kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(4.989.920.923)	1.108.360.236
11.	Thu nhập khác	31		23.814.830	870.078.928
12.	Chi phí khác	32		769.438.367	222.129.441
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(745.623.537)	647.949.487
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.735.544.460)	1.756.309.723
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.192.428.407	341.346.406
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.200.000
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(6.927.972.867)	1.413.763.317
18.	Lãi chưa phân phối	70	VI.10	(320)	65
19.	Lãi suy giảm trên vốn	71	VI.11	(320)	65

**PHỤ LỤC 3 – CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU**

STT	Chỉ tiêu	VT	31/12/2024	01/01/2024	Chênh lệch
1	Các u tài sản và ngu n v n				
	- Tài sản ng n h n/ t ng tài sản	%	66,08%	66,79%	-0,71%
	- Tài sản dài h n/ t ng tài sản	%	33,92%	33,21%	0,71%
	- N ph i tr / VCSH	%	47,61%	51,07%	-3,46%
	- N ph i tr / t ng ngu n v n	%	32,25%	33,80%	-1,55%
2	Kh n ng thanh toán				
	- Kh n ng thanh toán hi n hành (TSNH/NNH)	L n	2,05	1,98	0,07
	- Kh n ng thanh toán nhanh	L n	1,66	0,84	0,82
3	T su t l i nhu n				
	T su t l i nhu n sau thu trên doanh thu	%	-1,83%	0,87%	-2,70%
	T su t l i nhu n sau thu trên t ng tài sản (ROA)	%	-2,11%	0,41%	-2,51%
	T su t l i nhu n sau thu trên VCSH (ROE)	%	-3,11%	0,61%	-3,72%
4	H s t tài tr				
	H s t tài tr (1- (N / T ng ngu n v n))	%	67,75%	66,20%	1,55%
	H s b o toàn v n	L n	0,94	0,97	-0,03

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH
ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ HỢP NHẤT	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09 - 10
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 42

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305173790, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Trắc địa công trình. Hoạt động đo đạc bản đồ. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Quản lý và lập dự án đầu tư. Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng-công nghiệp (lắp đặt phần điện và thiết bị công trình). Tư vấn đấu thầu, thẩm tra, thiết kế, lập dự toán và tổng dự toán. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu. Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công, thiết kế công trình). Khảo sát địa hình công trình xây dựng, khảo sát địa chất xây dựng công trình;

Tư vấn chuyên giao công nghệ. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;

Cho thuê hào kỹ thuật, ống tuynel, cống, bể kỹ thuật, máy móc thiết bị xây dựng, máy móc thiết bị văn phòng;

Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc, thiết bị điện, thiết bị truyền thông, máy tính (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở).

Tên tiếng anh: Ho Chi Minh City Electric Power Trading Investment Corporation.

Tên viết tắt: TRADINCORP.

Mã chứng khoán: HTE (UpCom).

Trụ sở chính: Số 14A đường Số 85, khu Phố 1, phường Tân Quy, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Nhã	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên
Ông Châu Thanh Phong	Thành viên
Bà Trương Ngô Sen	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Việt Hùng	Trưởng ban
Bà Trịnh Thị Thanh Thảo	Thành viên
Ông Trần Minh Đức	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Anh Vũ	Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chánh Trực	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Nguyễn Anh Vũ	Tổng Giám Đốc
-------------------	---------------

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (“Moore AISC”) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Công bố danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam được trình bày ở thuyết minh của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và hoặc vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến Công ty và liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty; những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thanh Nhã

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Số: A0724236_HN/MOORE AISC-DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**KÍNH GỬI QUÝ CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và công ty con (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 từ trang 06 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày trong Thuyết minh số V.7 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, Công ty chưa xem xét việc theo dõi chi tiết chi phí quản lý chung đã phát sinh từ trước năm 2022 của từng bộ phận nhận thầu xây lắp để xác định giá thành của từng sản phẩm xây lắp hoàn thành bán ra trong năm 2024. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thực hiện phân bổ chi phí quản lý chung đang ghi nhận tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2024 với số tiền 12.498.253.760 đồng cho phù hợp với doanh thu của một số công trình ghi nhận trong năm hiện hành. Việc này có thể dẫn đến chi phí trong năm 2024 chưa được phản ánh đầy đủ và ảnh hưởng (nếu có) đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng chưa xem xét đánh giá tổn thất cho các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nhiều năm có giá trị tại ngày 31/12/2024 là 1.563.820.450 VND.

Dựa trên các tài liệu do Công ty cung cấp và các thủ tục kiểm toán thay thế được thực hiện, chúng tôi không xác định được chính xác số tiền cần phân bổ và giá trị dự phòng tổn thất ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện hành. Tuy nhiên, tác động của vấn đề này không có ảnh hưởng lan tỏa đến tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 2024.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 30 tháng 3 năm 2024 về Khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các hợp đồng cung cấp gói thầu "Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái hòa lưới 1x925KWP tại khu công nghiệp cầu cảng Phước Đông" do chưa được nghiệm thu và thanh quyết toán với các Chủ đầu tư. Tuy nhiên, vấn đề này đã được Công ty nghiệm thu và thanh quyết toán với các Chủ đầu tư này ngày 31 tháng 7 năm 2024. Do đó, ý kiến kiểm toán ngoại trừ đã được xử lý.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Lê Hùng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174 -2025-005-1

Huỳnh Thị Bích Liễu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3902-2022-005-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH MẫU số B 01 - DN/HN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		217.407.870.587	232.154.615.069
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41.948.609.068	14.658.973.760
1. Tiền	111		36.606.146.286	8.868.973.760
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.342.462.782	5.790.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		96.960.185.094	17.674.299.433
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	96.960.185.094	17.674.299.433
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.373.598.120	66.062.093.326
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	33.379.388.541	62.649.557.873
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.819.915.734	6.075.343.192
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.035.609.591	5.139.938.946
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,5	(7.861.315.746)	(7.802.746.685)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	41.124.918.305	133.673.782.288
1. Hàng tồn kho	141		42.761.499.016	133.673.782.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.636.580.711)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		560.000	85.466.262
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		560.000	560.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	-	84.906.262
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.616.149.106	115.445.564.528
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.742.580.845	37.791.411.696
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	32.742.580.845	37.791.411.696
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		54.216.530.389	55.267.001.208
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	17.432.580.389	18.483.051.208
- Nguyên giá	222		40.414.257.477	39.717.257.477
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.981.677.088)	(21.234.206.269)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	36.783.950.000	36.783.950.000
- Nguyên giá	228		37.093.603.000	37.093.603.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(309.653.000)	(309.653.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.485.907.100	21.217.212.949
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	23.485.907.100	21.217.212.949
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	1.092.603.100	1.092.603.100
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.292.603.100	2.292.603.100
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		78.527.672	77.335.575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		78.527.672	77.335.575
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		329.024.019.693	347.600.179.597

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		106.122.779.101	117.500.966.138
I. Nợ ngắn hạn	310		106.075.845.597	117.381.967.533
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	64.672.114.602	40.216.392.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	9.796.555.211	45.755.893.445
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	1.268.072.193	68.826.097
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	5.022.534.170	6.037.269.441
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	13.116.896.175	25.301.591.285
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	12.173.278.881	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.394.365	1.994.365
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		46.933.504	118.998.605
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.200.000	1.200.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		45.733.504	117.798.605
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

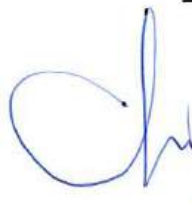
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		222.901.240.592	230.099.213.459
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	222.901.240.592	230.099.213.459
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		236.081.650.000	236.081.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.081.650.000	236.081.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(9.700.000.000)	(9.700.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.803.514.172	1.803.514.172
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.283.923.580)	1.914.049.287
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.914.049.287	500.285.970
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.197.972.867)	1.413.763.317
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		329.024.019.693	347.600.179.597


Lê Thị Ngọc Lan
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025.


Nguyễn Chánh Trực
Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Vũ
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	377.831.884.690	160.550.084.687
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		377.831.884.690	160.550.084.687
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	377.570.137.173	154.182.851.951
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		261.747.517	6.367.232.736
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	910.555.497	746.632.297
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.054.795	7.680.849
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.054.795	7.680.849
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.160.169.142	5.997.823.948
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(4.989.920.923)	1.108.360.236
12. Thu nhập khác	31	VI.6	23.814.830	870.078.928
13. Chi phí khác	32	VI.7	769.438.367	222.129.441
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(745.623.537)	647.949.487
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.735.544.460)	1.756.309.723
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.192.428.407	341.346.406
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.200.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(6.927.972.867)	1.413.763.317
Cổ đông của Công ty mẹ	61		(6.927.972.867)	1.413.763.317
Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(320)	65
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(320)	65


Lê Thị Ngọc Lan
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Chánh Trực
Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Vũ
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5.735.544.460)	1.756.309.723
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.8	1.747.470.819	1.674.291.505
- Các khoản dự phòng	03		1.623.084.671	(93.091.004)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(178.135)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(910.377.362)	(803.314.348)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.054.795	7.680.849
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.273.489.672)	2.541.876.725
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(10.394.728.730)	(8.233.327.635)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		90.912.283.272	(10.584.327.370)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(21.275.885.756)	16.144.038.042
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(1.192.097)	103.940.444
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.054.795)	(7.680.849)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.561.920.358)	(1.295.428)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(27.530.000)	(12.378.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.375.481.864	(49.154.871)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.965.694.151)	(1.747.055.298)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	473.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(104.291.294.959)	(23.399.299.433)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		69.165.571.360	11.119.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		908.607.288	746.632.297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.182.810.462)	(12.807.722.434)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

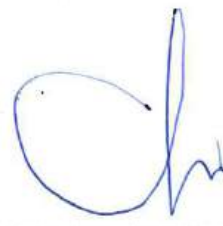
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	10.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	27.947.718.881	7.750.380.091
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(15.774.440.000)	(9.380.833.442)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.076.493.110)	(1.367.217.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.096.785.771	7.002.328.809
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		27.289.457.173	(5.854.548.496)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.658.973.760	20.513.522.256
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		178.135	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	41.948.609.068	14.658.973.760




Lê Thị Ngọc Lan
 Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Chánh Trực
 Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Vũ
 Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305173790, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Tên tiếng anh: Ho Chi Minh City Electric Power Trading Investment Corporation

Tên viết tắt: HCMPC TRADINCORP

Mã chứng khoán: HTE (UpCom).

Trụ sở chính: Số 14A đường Số 85, khu Phố 1, phường Tân Quy, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Trắc địa công trình. Hoạt động đo đạc bản đồ. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Quản lý và lập dự án đầu tư. Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng-công nghiệp (lắp đặt phần điện và thiết bị công trình). Tư vấn đấu thầu, thẩm tra, thiết kế, lập dự toán và tổng dự toán. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu. Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công, thiết kế công trình). Khảo sát địa hình công trình xây dựng, khảo sát địa chất xây dựng công trình;

Tư vấn chuyển giao công nghệ. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra tác động môi trường;

Cho thuê hào kỹ thuật, ống tuynel, cống, bể kỹ thuật, máy móc thiết bị xây dựng, máy móc thiết bị văn phòng;

Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc, thiết bị điện, thiết bị truyền thông, máy tính (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 53 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 56 nhân viên)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Cấu trúc doanh nghiệp**7.1. Tổng số các công ty con: một (01) công ty.**

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty con.
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: Không có.

7.2. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tradin One Tầng 3, Số 14A, Đường Số 85, Khu Phố 1, phường Tân Quy, Quận 7, Tp. HCM	- Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật; - Hoạt động lĩnh vực xây dựng.	100%	100%	100%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC (TT200) được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều TT200; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư số 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 2 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT - BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Công ty" thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa Công ty con và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Công ty" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

- + Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**Nguyên tắc ghi nhận các khoản**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau

- Công cụ, dụng cụ, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình thực hiện xây lắp các công trình xây dựng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**6.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định hợp nhất biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>05 - 25 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>06 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>04 - 06 năm</i>
<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>03 năm</i>

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Tài sản đồng kiểm soát bởi các bên tham gia liên doanh là tài sản được các bên tham gia liên doanh mua, xây dựng, được sử dụng cho mục đích của liên doanh và mang lại lợi ích cho các bên tham gia liên doanh theo quy định của Hợp đồng liên doanh. Các bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm/ (hoặc doanh thu) từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Các khoản vốn bằng tiền góp vào BCC được ghi nhận và phản ánh trong báo cáo tài chính là tài sản góp vốn liên doanh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ,....

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả người lao động, chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong năm dựa theo Quy chế lương của Công ty và theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập theo quy định hiện hành.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí liên quan đến hoạt động xây lắp, tư vấn khảo sát, thiết kế,... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng bảo hành công trình xây dựng, sản phẩm đã bán. Từ các năm trước, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng phương pháp ghi nhận theo thực tế phát sinh chi phí bảo hành sửa chữa trên cơ sở đánh giá ảnh hưởng của mức tổn thất dự kiến đối với giá trị công trình xây dựng, sản phẩm đã bán là không đáng kể. Đến thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra đối với một số công trình xây dựng, sản phẩm bán trong kỳ này nên tiến hành trích lập dự phòng theo hướng dẫn của các quy định có liên quan.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay và dự phòng đầu tư.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

22. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hợp nhất lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2024	01/01/2024
Tiền	36.606.146.286	8.868.973.760
Tiền mặt	3.613.935.141	2.536.354.063
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	32.992.211.145	6.332.619.697
Các khoản tương đương tiền	5.342.462.782	5.790.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (hoặc dưới 3 tháng) (**)	5.342.462.782	5.790.000.000
Cộng	41.948.609.068	14.658.973.760

(*) Trong đó, số tiền chỉ được dùng cho mục đích thanh toán cho các nhà cung cấp trong hoạt động xây lắp tại ngày 31/12/2024 là : 22.506.831.504 VND

(**) Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có lãi suất từ 1,6% đến 4,2%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính (xem trang 39)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các khách hàng là các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	22.123.775.593	-	42.464.976.467	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	3.342.895.347	-	3.342.895.347	-
Các khách hàng khác	7.912.717.601	(3.879.985.394)	16.841.686.059	(3.821.416.333)
Cộng	33.379.388.541	(3.879.985.394)	62.649.557.873	(3.821.416.333)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	148.444.121	-	164.401.819	-
Công ty TNHH TVTK Xây Dựng Điện Hưng Thịnh	1.780.947.618	-	-	-
Công ty TNHH TM SX Dây & Cáp Điện Đại Long	1.430.457.943	-	639.119.370	-
Công ty TNHH TV XD Điện Tâm Khôi	786.759.028	-	-	-
Công ty TNHH Dây và Cáp Điện Trường Thịnh	827.747.770	-	264.964.095	-
Các nhà cung cấp khác	1.845.559.254	-	5.006.857.908	-
Cộng	6.819.915.734	-	6.075.343.192	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	5.035.609.591	(3.981.330.352)	5.139.938.946	(3.981.330.352)
Phải thu bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	208.000.000	-	161.141.000	-
Công ty Cổ phần TST Engineering	1.705.915.923	(1.705.915.923)	1.705.915.923	(1.705.915.923)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ PTN	1.179.061.489	(1.179.061.489)	1.179.061.489	(1.179.061.489)
Phải thu khác	1.942.632.179	(1.096.352.940)	2.093.820.534	(1.096.352.940)
b. Dài hạn	32.742.580.845	-	37.791.411.696	-
Ký quỹ, ký cược	1.619.727.533	-	6.668.558.384	-
Góp vốn đầu tư thực hiện dự án điện gió (*)	31.122.853.312	-	31.122.853.312	-
Cộng	37.778.190.436	(3.981.330.352)	42.931.350.642	(3.981.330.352)

(*) Căn cứ hợp đồng hợp tác thực hiện dự án "Tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, hai hệ thống đồng trục InS-W-1000" số 11/CNS-NCPT ngày 17/01/2012 và các phụ lục liên quan giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Công-nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV (CNS). Theo đó, dự án có nguồn kinh phí từ ngân sách do Sở Khoa học và Công nghệ Tp. HCM cấp là 43.926.000.000 đồng, nguồn vốn thực hiện do hai bên góp là 119.827.231.889 đồng, mỗi bên góp 59.913.615.945 đồng. Đến ngày 31/12/2024, Công ty đã đầu tư vào dự án với số tiền là 31.122.853.312 VND.

Theo báo cáo giám sát số 78/CNS-QLDA ngày 20/1/2025 của Tổng công ty CN Sài Gòn TNHH MTV (CNS), Công ty đã trình phương án xin tạm ngưng góp thêm vốn vào dự án và đề xuất các bên tham gia khác thay thế Công ty góp vốn tiếp theo. Và cũng theo báo cáo này, dự án còn vướng nhiều khó khăn về nguồn vốn, vị trí và các yếu tố khách quan khác. Do đó, thời gian thực hiện dự án có thể bị kéo dài hơn kế hoạch.

6. Nợ xấu (xem trang 40)

7. Hàng tồn kho	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	6.038.473.588	-
Chi phí SX, KD dở dang (*)	40.914.762.834	(1.636.580.711)	120.866.468.085	-
Hàng hoá	1.846.736.182	-	6.768.840.615	-
Cộng	42.761.499.016	(1.636.580.711)	133.673.782.288	-

(*) Trong đó bao gồm:

+ Chi phí quản lý chung chưa được xem xét phân bổ tại ngày 31/12/2024 là 12.498.253.760 VND.

+ Các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nhiều năm tại ngày 31/12/2024 là 1.563.820.450 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án Lương Định Của (*)	22.736.663.381	-	20.205.817.531	-
Dự án khác	749.243.719	-	1.011.395.418	-
Cộng	23.485.907.100	-	21.217.212.949	-

(*) Dự án Lương Định Của là dự án xây dựng hệ thống mương, hào kỹ thuật và ống phục vụ ngầm hóa lưới điện và cáp viễn thông trong dự án nâng cấp tuyến đường Lương Định Của, dự án vẫn đang được thi công nhưng do tiến độ thi công phụ thuộc vào tiến độ bàn giao mặt bằng với dự án nâng cấp đường Lương Định Của do khu Quản lý giao thông đô thị số 2 làm chủ đầu tư. Đến nay, UBND Quận 2 vẫn chưa bàn giao mặt bằng đầy đủ cho khu 2 nên tiến độ triển khai dự án bị chậm do phụ thuộc vào công tác giải phóng mặt bằng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	13.287.825.649	26.034.419.792	395.012.036	39.717.257.477
Mua trong năm	-	697.000.000	-	697.000.000
Số dư cuối năm	13.287.825.649	26.731.419.792	395.012.036	40.414.257.477
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.496.365.483	19.360.266.634	377.574.152	21.234.206.269
Khấu hao trong năm	637.414.716	1.101.685.923	8.370.180	1.747.470.819
Số dư cuối năm	2.133.780.199	20.461.952.557	385.944.332	22.981.677.088
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	11.791.460.166	6.674.153.158	17.437.884	18.483.051.208
Số dư cuối năm	11.154.045.450	6.269.467.235	9.067.704	17.432.580.389

* Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.736.813.400 VND.

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	36.783.950.000	309.653.000	-	37.093.603.000
Số dư cuối năm	36.783.950.000	309.653.000	-	37.093.603.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	309.653.000	-	309.653.000
Số dư cuối năm	-	309.653.000	-	309.653.000
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	36.783.950.000	-	-	36.783.950.000
Số dư cuối năm	36.783.950.000	-	-	36.783.950.000

* Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 36.783.950.000 VND.

* Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 309.653.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)	518.540.531	518.540.531	1.648.130.959	1.648.130.959
Công ty TNHH Cấp Taihan Vina	13.521.718.595	13.521.718.595	12.257.942.289	12.257.942.289
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Tường	8.200.745.046	8.200.745.046	-	-
Công ty TNHH Dây và Cáp Điện Vạn Xuân	36.403.278.680	36.403.278.680	-	-
Các nhà cung cấp khác	6.027.831.750	6.027.831.750	26.310.319.652	26.310.319.652
Cộng	64.672.114.602	64.672.114.602	40.216.392.900	40.216.392.900
12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			31/12/2024	01/01/2024
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.3)			9.351.644.623	2.694.886.190
Các khách hàng khác			444.910.588	43.061.007.255
Cộng			9.796.555.211	45.755.893.445
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.910.109.536	388.895.618	1.521.213.918
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.164.770.061	1.561.920.358	(397.150.297)
Thuế thu nhập cá nhân	68.826.097	634.818.591	559.636.116	144.008.572
Cộng	68.826.097	3.709.698.188	2.510.452.092	1.268.072.193
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	57.247.916	57.247.916	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.658.346	27.658.346	-	-
Cộng	84.906.262	84.906.262	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế GTGT cho các hàng hóa bán ra trong năm	10%
- Thuế suất thuế GTGT cho hoạt động tư vấn và xây lắp trong năm	8%

Trong năm Công ty được giảm thuế GTGT đối với các hàng hóa, dịch vụ mà Công ty cung cấp theo Nghị định 94/2023/NĐ - CP ngày 18 /12/2023, Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024, Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 quy định chính sách giảm thuế GTGT.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí kinh doanh thương mại	1.374.155.433	1.204.383.586
Chi phí tư vấn thiết kế	2.020.948.820	1.861.612.687
Chi phí tổ xây dựng mới	67.107.071	67.107.071
Chi phí ban quản lý dự án	9.068.082	244.380.084
Chi phí xây lắp	1.551.254.764	2.659.786.013
Cộng	5.022.534.170	6.037.269.441

15. Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.999.903.573	15.076.396.683
Các khoản phải trả, phải nộp khác	116.992.602	10.225.194.602
Cộng	13.116.896.175	25.301.591.285

16. Vay ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng (*)	12.173.278.881	12.173.278.881	-	-
Cộng	12.173.278.881	12.173.278.881	-	-

(*) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng tín dụng hạn mức số SGD.DN.5464.100724 ngày 19/07/2024. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C,... Hạn mức tín dụng là 102.000.000.000 đồng. Trong đó dư nợ vay tối đa 22.000.000.000. Thời hạn vay và lãi suất sẽ được quy định cụ thể theo từng hợp đồng vay.

Tài sản đảm bảo: Thửa đất số 170, tờ bản đồ số 28, phường Tân Quy, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh; Tiền gửi có kỳ hạn; Quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền đòi bồi thường thiệt hại, quyền thụ hưởng bảo hiểm, các khoản tiền và toàn bộ các quyền, lợi ích,... mà Công ty có được trong các lần giải ngân theo các hợp đồng thi công, xây lắp được ký kết với các khách hàng có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 41

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2024	01/01/2024
Tổng Công ty Điện lực Tp. HCM TNHH	29,65%	70.000.000.000	70.000.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	8,58%	20.250.000.000	20.250.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	5,72%	13.500.000.000	13.500.000.000
Cổ đông khác	51,94%	122.631.650.000	122.631.650.000
Cổ phiếu quỹ	4,11%	9.700.000.000	9.700.000.000
Cộng	100,00%	236.081.650.000	236.081.650.000
* Số lượng cổ phiếu quỹ		970.000	970.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2024	Năm 2023
Vốn góp của chủ sở hữu		236.081.650.000	236.081.650.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>		236.081.650.000	236.081.650.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>		236.081.650.000	236.081.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
d. Cổ phiếu		31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành		23.608.165	23.608.165
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng		23.608.165	23.608.165
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		970.000	970.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành		22.638.165	22.638.165
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>		10.000	10.000
đ. Các quỹ của doanh nghiệp		31/12/2024	01/01/2024
Quỹ đầu tư phát triển		1.803.514.172	1.803.514.172
Cộng		1.803.514.172	1.803.514.172

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng	233.144.473.006	98.556.099.514
Doanh thu dịch vụ tư vấn	5.171.578.063	10.047.728.983
Doanh thu dịch vụ xây lắp	139.515.833.621	51.946.256.190
Cộng	377.831.884.690	160.550.084.687

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2024	Năm 2023
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn bán hàng	232.898.426.375	94.725.059.524
Giá vốn dịch vụ tư vấn	7.517.148.557	7.639.842.936
Giá vốn dịch vụ xây lắp	137.154.562.241	51.817.949.491
Cộng	377.570.137.173	154.182.851.951
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	845.237.600	746.632.297
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.141.000	-
Doanh thu khác	176.897	-
Cộng	910.555.497	746.632.297
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	2.054.795	7.680.849
Cộng	2.054.795	7.680.849
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	4.174.292.658	3.872.347.847
Chi phí khấu hao TSCĐ	645.784.896	641.274.257
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	5.000.000
Hoàn nhập phải thu khó đòi	258.569.061	(66.287.368)
Chi phí bằng tiền khác	1.078.522.527	1.545.489.212
Cộng	6.160.169.142	5.997.823.948
6. Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	56.682.051
Tiền phạt thu được	-	753.671.643
Các khoản khác	23.814.830	59.725.234
Cộng	23.814.830	870.078.928
7. Chi phí khác		
Chi phí hành chính	346.793.722	150.000.000
Xử lý tổn thất các dự án	422.368.645	1.990.133
Các khoản khác	276.000	70.139.308
Cộng	769.438.367	222.129.441
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.630.282.055	1.594.179.715
Chi phí nhân công	15.211.281.811	13.231.907.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.747.470.819	1.674.291.505
Chi phí dự phòng	-	(66.287.368)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.533.118.988	71.990.007.478
Chi phí khác bằng tiền	1.203.332.283	7.053.876.598
Cộng	94.325.485.956	95.477.975.077

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.735.544.460)	1.756.309.723
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	(65.141.000)	707.392.304
Các khoản điều chỉnh tăng	-	707.392.304
+ Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	-	707.392.304
Các khoản điều chỉnh giảm	65.141.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.141.000	-
3. Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (1+2)	<u>(5.800.685.460)</u>	<u>2.463.702.027</u>
4. Lỗ các năm trước được chuyển	-	756.969.996
5. Thu nhập tính thuế (3-4)	(5.800.685.460)	1.706.732.031
6. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	-	341.346.406
7. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập các năm trước	1.192.428.407	-
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.192.428.407	341.346.406

(*) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.927.972.867)	1.413.763.317
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.927.972.867)	1.413.763.317
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.638.165	21.638.165
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(320)	65
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(320)	65

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**11.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**11.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	12.173.278.881	-	-	12.173.278.881
Phải trả người bán	64.672.114.602	-	-	64.672.114.602
Chi phí phải trả	5.022.534.170	-	-	5.022.534.170
Phải trả khác	116.992.602	-	-	116.992.602
Cộng	81.984.920.255	-	-	81.984.920.255
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	40.216.392.900	-	-	40.216.392.900
Chi phí phải trả	6.037.269.441	-	-	6.037.269.441
Phải trả khác	10.225.194.602	-	-	10.225.194.602
Cộng	56.478.856.943	-	-	56.478.856.943

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 42)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2024	Năm 2023
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	27.947.718.881	7.750.380.091

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024	Năm 2023
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(15.774.440.000)	(9.380.833.442)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hay thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan

Tổng Công ty Điện lực Tp. HCM - TNHH

Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp. HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện lực Việt Nam

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Bình Phú

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Phú

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Thuận

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực An Phú Đông

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Sài Gòn

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Chợ Lớn

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Gò Vấp

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Bình

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Củ Chi

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Duyên Hải

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Gia Định

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Thủ Đức

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Bình Chánh

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Phú Thọ

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Dịch vụ Điện lực Tp. HCM

CN TCT Điện lực Tp. HCM - Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Tp. HCM

CN TCT Điện lực Tp. HCM - BQL DA lưới điện phân phối Tp. HCM

CN TCT Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Thí Nghiệm ĐL TP.HCM

CN TCT Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam

Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Điện Lực Ninh Thuận

Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Điện Miền Nam

Công ty Điện Lực Bà Rịa - Vũng Tàu

Công ty Điện Lực Bạc Liêu

Công ty Điện Lực Bình Dương

Mối quan hệ

Cổ đông góp vốn

Cổ đông góp vốn

Công ty được nhận đầu tư

Công ty được nhận đầu tư

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(*)

(**)

(**)

(**)

(**)

(**)

(**)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**Bên liên quan**

Công ty Điện Lực Cà Mau	(**)
Công ty Điện Lực Hậu Giang	(**)
Công ty Điện Lực Kiên Giang	(**)
Công ty Điện Lực Ninh Thuận	(**)

(*) Các chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Tp. HCM TNHH - đơn vị đầu tư 29,65% vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Tp. HCM

(**) Các công ty trong hệ thống của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH - đơn vị đầu tư 8,58% vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Tp. HCM

Các giao dịch trọng yếu trong năm với các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024	Năm 2023
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Bình Phú	8.618.143.313	134.792.902
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Thuận	4.878.425.120	1.051.906.678
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Sài Gòn	2.779.702.257	4.587.870.004
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Chợ Lớn	17.158.004	1.995.386.965
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Gò Vấp	838.337.681	1.746.187.605
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Duyên Hải	328.917.378	3.888.177.159
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Gia Định	439.543.016	1.079.863.743
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Thủ Đức	1.279.936.327	5.005.328.368
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Bình Chánh	1.380.117.029	2.275.359.343
CN TCT Điện lực Tp. HCM - BQL DA lưới điện phân phối Tp. HCM	91.851.306.531	74.909.783.179
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực An Phú Đông	3.143.864.900	2.441.177.400
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Phú Thọ	55.200.000	415.413.726
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Bình	2.008.106.104	5.864.080.708
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Điện lực Tp. HCM	(4.553.795)	2.828.004.124
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Hóc Môn	-	6.614.190.000
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Vĩnh Long	-	2.090.209.880
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tp. Cần Thơ	72.585.830	17.060.727.010
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Bến Tre	2.063.712.500	5.108.546.050
CN TCT Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Công nghệ Thông tin Điện Lực Tp.HCM	52.035.984	52.035.984
CN TCT Điện Lực Tp.HCM - Công ty Lưới điện Cao Thế Tp. HCM	-	531.126.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Xây Dựng Điện Miền Nam	86.115.900	3.153.544.619
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Dịch vụ Điện lực Tp. HCM	204.145.660	763.606.866
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Điện Miền Nam	3.522.535.593	-
Công ty Điện Lực Bà Rịa - Vũng Tàu	69.571.511.000	-
Công ty Điện Lực Bạc Liêu	22.233.188.620	-
Công ty Điện Lực Bình Dương	7.938.531.920	-
Công ty Điện Lực Cà Mau	24.078.091.600	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**Các giao dịch trọng yếu trong năm với các bên liên quan****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Công ty Điện Lực Hậu Giang	21.492.716.500	-
Công ty Điện Lực Kiên Giang	5.318.101.300	-
Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Điện Lực Ninh Thuận	2.805.945.800	-

Cộng**277.053.422.072** **143.597.318.313****Mua hàng hóa và dịch vụ**

	Năm 2024	Năm 2023
CN TCT Điện Lực Miền Nam TNHH-Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	103.152.000	-
CN TCT Điện Lực TP HCM TNHH - Công ty Dịch Vụ Điện Lực Tp.HCM	202.984.694	562.043.724
CN TCT Điện Lực TP. HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Bình	161.210.000	-
CN TCT Điện lực TPHCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Thuận	102.039.223	189.707.808
CN TCT Điện Lực TP.HCM TNHH - Công ty Thí Nghiệm ĐL TP.HCM	1.382.052.682	1.397.894.074
CN TCT Điện Lực TpHCM TNHH-Trung Tâm Điều Độ Hệ Thống Điện TpHCM	37.155.102	223.396.112

Cộng**1.988.593.701** **2.373.041.718****Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan****Phải thu khách hàng**

	31/12/2024	01/01/2024
Tổng Công ty Điện lực Tp. HCM - TNHH	5.189.162.120	5.189.162.120
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Bình Phú	27.342.340	27.676.727
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Tân Thuận	231.594.878	-
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực An Phú Đông	-	2.636.471.592
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Sài Gòn	62.150.000	961.334.749
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Chợ Lớn	507.438.018	507.438.018
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Gò Vấp	84.097.327	141.061.766
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Tân Bình	1.383.661.522	4.798.920.326
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Duyên Hải	-	489.095.144
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Gia Định	325.850.728	322.378.053
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Thủ Đức	242.577.035	50.747.496
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Bình Chánh	176.248.118	507.802.986
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - BQL DA lưới điện phân phối Tp. HCM	7.127.857.886	16.786.041.573
Công ty Điện Lực Bình Dương	3.074.728.019	-
Ban Quản Lý Dự án Lưới Điện Miền Nam	47.500.197	47.500.197
Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Công Trình Nâng Cấp Đô Thị Tp.HCM	-	60.000.000
CN Tổng Công ty Điện Lực Tp.HCM TNHH - Công ty Dịch vụ Điện Lực Tp.HCM	61.032.238	414.484.058
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Phú Thọ	1.598.937	5.289.007.334
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp. HCM	3.580.936.230	4.235.854.328

Cộng**22.123.775.593** **42.464.976.467**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan

Người mua trả tiền trước	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Điện Lực Bạc Liêu	(2.280.538.590)	-
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Thủ Đức	(5.051.328.695)	-
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Sài Gòn	(1.460.387.300)	-
Công ty Điện Lực Ninh Thuận	(55.477.584)	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Xây dựng Điện Miền Nam	-	(314.838)
CN TCT Điện Lực Tp. HCM - Công ty Điện Lực Bình Phú	-	(2.190.658.898)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Điện Lực Tp.HCM	(503.912.454)	(503.912.454)
Cộng	(9.351.644.623)	(2.694.886.190)
Phải trả nhà cung cấp	31/12/2024	01/01/2024
Tổng Công ty Điện lực Tp. HCM - TNHH	(492.423.508)	(492.423.508)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Điện lực Tân Thuận	(26.117.023)	(26.117.023)
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Tp. HCM	-	(1.371.995)
CN TCT Điện Lực Tp.HCM TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện lực Tp.HCM	-	(1.128.218.433)
Cộng	(518.540.531)	(1.648.130.959)
Trả trước cho nhà cung cấp	31/12/2024	01/01/2024
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Công ty Dịch vụ Điện lực Tp. HCM	6.434.670	164.401.819
CN TCT Điện lực Tp. HCM - Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Tp. HCM	142.009.451	-
Cộng	148.444.121	164.401.819
Phải thu khác	31/12/2024	01/01/2024
Ông Nguyễn Anh Vũ	208.000.000	96.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp. HCM	-	65.141.000
Cộng	208.000.000	161.141.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm, không lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà bên liên đó hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng quản trị	Thù lao và thưởng	Năm 2024	Năm 2023
Ông Nguyễn Thanh Nhã		127.500.000	80.000.000
Ông Nguyễn Anh Vũ		87.000.000	84.000.000
Ông Châu Thanh Phong		91.500.000	84.000.000
Bà Trương Ngô Sen		91.500.000	84.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan		49.500.000	84.000.000
Ông Trần Đình Khuyến		-	28.000.000
Cộng		447.000.000	444.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao và thưởng	Năm 2024	Năm 2023
Ông Nguyễn Việt Hùng		103.500.000	96.000.000
Bà Đinh Thị Hồng Vân		-	20.000.000
Bà Trịnh Thị Thanh Thảo		60.000.000	60.000.000
Ông Trần Minh Đức		67.500.000	40.000.000
Cộng		231.000.000	216.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	Năm 2024	Năm 2023
Ông Nguyễn Anh Vũ		498.356.000	390.528.000
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam		329.839.537	147.024.000
Cộng		828.195.537	537.552.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh. Công ty không có chi nhánh, chỉ hoạt động kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh nên không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2024**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Thương mại, Tư vấn và Xây lắp. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Thương mại	233.144.473.006	232.898.426.375	246.046.631
Tư vấn	5.171.578.063	7.517.148.557	(2.345.570.494)
Xây lắp	139.515.833.621	137.154.562.241	2.361.271.380
Cộng	377.831.884.690	377.570.137.173	261.747.517

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)**4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2023**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Thương mại, Tư vấn và Xây lắp. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Thương mại	98.556.099.514	94.725.059.524	3.831.039.990
Tư vấn	10.047.728.983	7.639.842.936	2.407.886.047
Xây lắp	51.946.256.190	51.817.949.491	128.306.699
Cộng	160.550.084.687	154.182.851.951	6.367.232.736

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai**Lê Thị Ngọc Lan**

Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Chánh Trực

Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Vũ

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn				
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Bà Chiểu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - CN. Sài Gòn	94.960.185.094	94.960.185.094	15.674.299.433	15.674.299.433
Cộng	96.960.185.094	96.960.185.094	17.674.299.433	17.674.299.433

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 đến 12 tháng với lãi suất 2,9% đến 4,8%/năm.

Trong đó, giá trị các khoản tiền gửi được dùng để đảm bảo phát hành thư bảo lãnh tại ngày 31/12/2024 là : 94.446.461.472 VND.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	2.292.603.100	(1.200.000.000)		2.292.603.100	(1.200.000.000)	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện lực Việt Nam	1.200.000.000	(1.200.000.000)		1.200.000.000	(1.200.000.000)	
Công ty TNHH Công nghệ mới Việt Nga	500.000.000	-		500.000.000	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp. HCM	592.603.100	-		592.603.100	-	
Cộng	2.292.603.100	(1.200.000.000)		2.292.603.100	(1.200.000.000)	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. Nợ xấu

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	8.119.884.807	258.569.061	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	7.802.746.685	-	
Trung tâm Điện thoại SPT - Công ty Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	648.016.116	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	648.016.116	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần TST Engineering	1.866.689.261	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	1.866.689.261	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Số 9	1.314.603.549	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	1.314.603.549	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ PTN	1.179.061.489	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	1.179.061.489	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Kho bạc Nhà nước Tp. HCM	338.221.078	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	338.221.078	-	Khoản phải thu khó có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	2.773.293.314	258.569.061	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	2.456.155.192	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. 17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	236.081.650.000	(19.700.000.000)	1.803.514.172	500.285.970	218.685.450.142
Lợi nhuận	-	-	-	1.413.763.317	1.413.763.317
Tặng khác	-	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Số dư cuối năm trước	236.081.650.000	(9.700.000.000)	1.803.514.172	1.914.049.287	230.099.213.459
Số dư đầu năm nay	236.081.650.000	(9.700.000.000)	1.803.514.172	1.914.049.287	230.099.213.459
Lợi nhuận	-	-	-	(6.927.972.867)	(6.927.972.867)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(270.000.000)	(270.000.000)
Số dư cuối năm nay	236.081.650.000	(9.700.000.000)	1.803.514.172	(5.283.923.580)	222.901.240.592

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. 12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2024		31/12/2023		31/12/2024	31/12/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	96.960.185.094	-	17.674.299.433	-	96.960.185.094	17.674.299.433
- Phải thu khách hàng	33.379.388.541	(3.879.985.394)	62.649.557.873	(3.821.416.333)	29.499.403.147	58.828.141.540
- Phải thu khác	6.655.337.124	(3.981.330.352)	11.808.497.330	(3.981.330.352)	2.674.006.772	7.827.166.978
- Tiền và các khoản tương đương tiền	41.948.609.068	-	14.658.973.760	-	41.948.609.068	14.658.973.760
TỔNG CỘNG	178.943.519.827	(7.861.315.746)	106.791.328.396	(7.802.746.685)	44.622.615.840	98.988.581.711
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	12.173.278.881	-	-	-	12.173.278.881	-
- Phải trả người bán	64.672.114.602	-	40.216.392.900	-	64.672.114.602	40.216.392.900
- Chi phí phải trả	5.022.534.170	-	6.037.269.441	-	5.022.534.170	6.037.269.441
- Phải trả khác	116.992.602	-	10.225.194.602	-	116.992.602	10.325.194.602
TỔNG CỘNG	81.984.920.255	-	56.478.856.943	-	81.984.920.255	56.578.856.943





DANH MỤC CÁC T TRÌNH XIN Ý KIẾN I H I NG C ÔNG TH NG NIÊN N M 2025

1. Trình 01: Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; Phân bổ trách nhiệm và chia sẻ lợi nhuận năm 2024.
2. Trình 02: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Kế hoạch chia sẻ lợi nhuận năm 2025;
3. Trình 03: Phân bổ chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.
4. Trình 04: Lựa chọn nhân viên kế toán năm 2025.
5. Trình 05: Thay đổi, điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Trình 06: Phân bổ bán cổ phiếu ưu quyền theo hình thức chào bán riêng lẻ.

-----//-----



Số: 01/TTr-TRA- HC 2025

Tp. HCM, ngày 2 tháng 6 năm 2025

T TRÌNH

V/v: *Kết quả hoạt động SXKD năm 2024;*
phương án trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2024

Kính gửi: *Đội ngũ công đồng thành viên năm 2025*
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội thành TP. Hồ Chí Minh

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ nội quy của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội thành TP. Hồ Chí Minh;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội thành TP. Hồ Chí Minh,*

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội thành Thành phố Hồ Chí Minh kính trình *Đội ngũ công đồng thành viên* quy t thông qua:

1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Tổng doanh thu: 378.766.255.017 ng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024: - 6.927.972.867 ng
- Lợi nhuận lũy kế năm 2024: - 5.283.923.580 ng

Số liệu chi tiết trong bảng Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin tức Moore AISC kiểm toán.

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024:

2.1. Phương án trích lập quỹ:

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty. Hội đồng Quản trị đề nghị xin không trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024.

2.2. Chi trả cổ tức: Không chia cổ tức năm 2024.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH INTERNET THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305173790

Địa chỉ: Số 14A, Đường 85, Khu phố 1, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam

Số điện thoại: +84.28. 2211 7898 Website: <https://tradincorp.vn>

Kính trình *đồng nghiệp* công xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỒ CHÍ MINH QUẢN TRỊ
CHỨC**

Nội dung:

- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

Nguyễn Thanh Nhã



Số: 02/TTr-TRA- HC 2025

Tp. HCM, ngày 2 tháng 6 năm 2025

T TRÌNH

V/v: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Phân bổ chi phí lãi năm 2025

Kính gửi: **Đội ngũ công nhân viên năm 2025**
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội L C TP. Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Kế toán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội L C TP. Hồ Chí Minh,

Đội ngũ Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội L C Thành phố Hồ Chí Minh kính trình **Đội ngũ công nhân viên** thông qua:

1. Kế hoạch SXKD năm 2025:

- Tổng doanh thu: 225,000 tỷ đồng
- Tổng chi phí: 2,671 tỷ đồng

2. Dự kiến kế hoạch chi trả năm 2025:

Không chi trả.

Kính trình **Đội ngũ công nhân viên** xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. ĐỘI QUẢN TRỊ
CHỨC VỤ

Nội dung:

- Như trên;
- Lưu VP.

Nguyễn Thanh Nhã



Số: 03/TTr-TRA- HC 2025

Tp. HCM, ngày 2 tháng 6 năm 2025

T TRÌNH

V/v: Thù lao HQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025

Kính gửi: Hội đồng công ty năm 2025
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Internet TP. Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Kế toán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ nội bộ của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Internet TP. Hồ Chí Minh,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Internet Thành phố Hồ Chí Minh kính trình Hội đồng giám đốc thông qua thù lao HQT, BKS như sau:

STT	Chi tiết danh	Thù lao 2024 (tr. /tháng)	Thù lao 2025 (tr. /tháng)
	Hội đồng quản trị		
1	- Chủ tịch	10	10
2	- Thành viên	7	7
	Ban kiểm soát		
3	- Trưởng Ban	8	8
4	- Thành viên	5	5

Kính trình Hội đồng giám đốc xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nhân:

- Như trên;
- Lưu VP.

Nguyễn Thanh Nhã

1 | -----
Tài liệu Hội đồng công ty năm 2025. Tài liệu này công bố nội dung và nội dung Việt và
tên Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt thì có cách hiểu khác giữa nội dung Việt và tên Anh thì
bên nội dung Việt sẽ ưu tiên.



Số: 04/TTr-TRA- HC 2025

Tp. HCM, ngày 2 tháng 6 năm 2025

T TRÌNH

V/v: Thông qua danh sách và lựa chọn công ty kiểm toán

Kính gửi: Ủy ban Kiểm toán Công ty năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội thành TP. Hồ Chí Minh

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội thành Thành phố Hồ Chí Minh kính trình Ủy ban Kiểm toán thông qua:

PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN VÀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC BÁO CÁO KHÁC NĂM 2025 CỦA CÔNG TY:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ quy định nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nội thành TP. Hồ Chí Minh;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, năng lực của các công ty kiểm toán và Báo cáo tài chính chấp thuận cho kiểm toán các công ty trên sàn giao dịch,

Ban kiểm soát kính nghị Ủy ban Kiểm toán Công ty năm 2025 phê duyệt danh sách công ty kiểm toán và quy định cho Ủy ban Kiểm toán lựa chọn và ký kiểm toán thành viên các báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính và các Báo cáo kiểm toán khác trong năm 2025 và nhiệm vụ tiếp tục thực hiện Ủy ban Kiểm toán Công ty năm 2026 cho Công ty theo danh sách như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học Moore AISC
2. Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ UHY
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ A&C



Đây là các công ty kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các công ty niêm yết và hoàn toàn độc lập với Công ty và các lập viên cán bộ quản lý của Công ty.

Kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯNG BAN**

N i nh n:

- *Như trên;*
- *Lưu VP.*

Nguyễn Việt Hùng

Số: **05/TTr-TRA- HC** 2025

Tp. HCM, ngày 2 tháng 6 năm 2025

T TRÌNH

V/v: Sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

Kính gửi: Ông/Thị trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Internet TP. Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 6 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam;
- Căn cứ nội dung và hồ sơ của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Internet TP.HCM (Công ty Tradincorp);
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Ông/Thị trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Internet TP.HCM thông qua việc sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

1. Danh mục ngành nghề kinh doanh xóa bỏ:

STT	Ngành nghề xóa bỏ	Mã ngành
1	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế.	7912
2	Điều lý, môi giới, mua bán Chi tiết: Dịch vụ bán đấu giá tài sản.	4610

1 | -----
Tài liệu nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Internet TP.HCM. Tài liệu này có công bố công khai và không được tiết lộ cho bất kỳ ai khác. Trong trường hợp có sự khác biệt thì có cách hiểu khác giữa nội dung Việt và tài liệu Anh thì bản tiếng Việt sẽ có ưu tiên.



3	Tích cực giới thiệu và xúc tiến thương mại (trading) trong lĩnh vực có sản phẩm nguy hiểm, chất cháy, hóa chất... làm bốc, đóng gói, hiển thị các chương trình video, phim ảnh...)	8230
---	--	------

2. Danh mục ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

STT	Ngành nghề trước chủ yếu	Ngành nghề sau chủ yếu
1.	<p>(7110 - Chính) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: Trắc địa công trình. Hoạt động đo đạc bản đồ. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Quản lý dự án. Lập dự án. Thiết kế hệ thống in công trình công nghiệp và dân dụng. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp (lắp đặt phân phối và thiết bị in công trình). Tư vấn kỹ thuật. Thẩm tra thiết kế, lập dự toán và tender. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn lập sơ đồ thiết kế. Tư vấn xây dựng (trình duyệt xây dựng, giám sát thi công, thiết kế công trình). Khảo sát địa hình công trình xây dựng, khảo sát địa chất xây dựng công trình. Thiết kế. Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng. Thí nghiệm vật liệu xây dựng. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình ngầm.</p>	<p>(7110 - Chính) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trắc địa công trình; - Hoạt động đo đạc và bản đồ; - Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; - Quản lý dự án; - Lập dự án; - Thiết kế hệ thống in công trình công nghiệp và dân dụng; - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (lắp đặt phân phối và thiết bị công trình); - Tư vấn kỹ thuật; - Thẩm tra thiết kế, lập dự toán và tender; - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; - Tư vấn lập sơ đồ thiết kế; - Tư vấn xây dựng (trình duyệt xây dựng, giám sát thi công, thiết kế công trình); - Khảo sát địa hình công trình xây dựng, khảo sát địa chất xây dựng công trình; - Thiết kế;

2 | -----
 Tài liệu ghi nội dung công khai năm 2025. Tài liệu này công bố công khai theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp có sự khác biệt thì có cách hiểu khác giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật Việt Nam thì ưu tiên pháp luật Việt Nam.



STT	Ngành nghề trước chuyển đổi	Ngành nghề sau chuyển đổi
		<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng; - Thí nghiệm vật liệu xây dựng; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng. <p>(trừ Dịch vụ thi công, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu vực, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu vực, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hàng hải vùng nước, công biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, nẹp mangan toàn hàng hải).</p>
2.	<p>(7730) Cho thuê máy móc, thiết bị và dụng cụ hình khác</p> <p>Chi tiết: Cho thuê hào k thu, máy tuynen, công, b k thu.</p> <p>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.</p> <p>Cho thuê máy móc, thiết bị vận phòng.</p>	<p>(7730) Cho thuê máy móc, thiết bị và dụng cụ hình khác không kèm người lái</p> <p>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người lái. Cho thuê máy móc, thiết bị vận phòng (không kèm người lái)</p>
3.	<p>(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chuyên phân vào ô tô</p> <p>Chi tiết: Bán buôn vật liệu ngành nhựa, sơn ph m nh a, ngành nhựa, h t nh a.</p> <p>Bán buôn phân bón (không tính hóa chất)</p>	<p>(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chuyên phân vào ô tô</p> <p>Chi tiết: Bán buôn chất dẻo nguyên sinh; Bán buôn phân bón và sơn ph m nông hóa</p> <p>(trừ thực hiện quy định phân phối ở các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà nước ngoài, thực hiện kinh tế có vốn góp của nhà nước ngoài không thực hiện quy định phân phối)</p>
4.	<p>(4662) Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết: Bán buôn sắt, nhôm, thép.</p>	<p>(4662) Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>Chi tiết: Bán buôn sắt, nhôm, thép.</p> <p>(trừ thực hiện quy định phân phối ở các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà nước ngoài, thực hiện kinh tế có vốn góp của nhà nước ngoài)</p>

3 | -----
Tài liệu này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Tài liệu này có công bố công khai và có thể tiếp cận thông tin tại Văn phòng Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Nội L C Thành Phố Hồ Chí Minh. Trong trường hợp có sự khác biệt thì có cách hiểu khác giữa Văn phòng Công ty và Văn phòng Công ty thì ưu tiên Văn phòng Công ty.



STT	Ngành nghề trước chuyển	Ngành nghề sau chuyển
		<i>tấn công ngoài không gian (cả thị trường quy định và phân phối)</i>
5.	(3511) Sản xuất in <i>(truy cập, in ấn, thiết kế in ấn, xây dựng, vận hành thị trường an toàn, nhân)</i>	(3511) Sản xuất in <i>(truy cập, in ấn, thiết kế in ấn, xây dựng, phân phối và vận hành thị trường an toàn, nhân)</i>
6.	(3512) Truy cập và phân phối <i>Chi tiết: Mua bán in</i> <i>(truy cập, in ấn, thiết kế in ấn, xây dựng, vận hành thị trường an toàn, nhân)</i>	(3512) Truy cập và phân phối <i>Chi tiết: Mua bán in</i> <i>(truy cập, in ấn, thiết kế in ấn, xây dựng, phân phối và vận hành thị trường an toàn, nhân)</i>
7.	(2790) Sản xuất thiết bị khác <i>Chi tiết: Sản xuất tv, máy móc, thiết bị (truyền thông, khí, tái chế, thi công, xi măng, sơn).</i>	(2790) Sản xuất thiết bị khác <i>Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị in ấn chuyên dụng (truyền thông, khí, tái chế, thi công, xi măng, sơn).</i>
8.	(2630) Sản xuất thiết bị truyền thông <i>Chi tiết: Sản xuất thiết bị truyền thông (truyền thông, khí, tái chế, thi công, xi măng, sơn).</i>	(2630) Sản xuất thiết bị truyền thông <i>Chi tiết: Sản xuất thiết bị truyền thông di động (truyền thông, khí, tái chế, thi công, xi măng, sơn).</i>
9.	(2620) Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính <i>Chi tiết: Sản xuất máy tính (truyền thông, khí, tái chế, thi công, xi măng, sơn).</i>	(2620) Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính <i>Chi tiết: Sản xuất máy tính</i>
10.	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán tv, máy móc thiết bị, thiết bị truyền thông</i>	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán tv, máy móc thiết bị, thiết bị truyền thông</i>



STT	Ngành nghề trước chuyển đổi	Ngành nghề sau chuyển đổi
		<i>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (trừ thuế hiện quy định phân phối ở các hàng hóa thu thuế Danh mục hàng hóa nhà xuất khẩu ngoài, thuế kinh tế có đóng góp xuất khẩu ngoài không áp dụng thuế hiện quy định phân phối)</i>
11.	(4651) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Chi tiết: Mua bán máy tính.</i>	(4651) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi.</i>
12.	(5510) Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Kinh doanh các lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động trực tiếp).</i>	(5510) Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn (không hoạt động trực tiếp).</i>
13.	(4663) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.</i>	(4663) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>(trừ thuế hiện quy định phân phối ở các hàng hóa thu thuế Danh mục hàng hóa nhà xuất khẩu ngoài, thuế kinh tế có đóng góp xuất khẩu ngoài không áp dụng thuế hiện quy định phân phối)</i>
14.	(4311) Phá dỡ	(4311) Phá dỡ <i>(trừ dịch vụ nội mìn)</i>
15.	(4330) Hoàn thiện công trình xây dựng	(4330) Hoàn thiện công trình xây dựng <i>(trừ dịch vụ nội mìn)</i>
16.	(4933) Vận tải hàng hóa bằng ô tô <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô</i>	(4933) Vận tải hàng hóa bằng ô tô <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)</i>



STT	Ngành nghề trước chuyển đổi	Ngành nghề sau chuyển đổi
17.	(5022) Vn t i hàng hóa ng thu n i a Chi ti t: Kinh doanh v n t i hàng hóa b ng ng th y n i a	(5022) V n t i hàng hóa ng thu n i a Chi ti t: <i>Kinh doanh v n t i hàng hóa ng th y n i a b ng ph ng ti n c gi i. V n t i hàng hóa ng th y n i a b ng ph ng ti n thô s .</i>
18.	(6820) T v n, môi gi i, u giá b t ng s n, u giá quy n s d ng t Chi ti t: D ch v qu n lý, t v n b t ng s n (tr kinh doanh d ch v pháp lý).	(6820) T v n, môi gi i, u giá b t ng s n, u giá quy n s d ng t Chi ti t: <i>T v n, môi gi i b t ng s n, quy n s d ng t (tr kinh doanh d ch v pháp lý). (tr d ch v u giá tài s n)</i>
19.	(4652) Bán buôn thi t b và linh ki n i n t , vi n thông	(4652) Bán buôn thi t b và linh ki n i n t , vi n thông <i>(tr th c hi n quy n phân ph i i v i các hàng hóa thu c Danh m c hàng hóa nhà u t n c ngoài, t ch c kinh t có v n góp u t n c ngoài không c th c hi n quy n quy n phân ph i)</i>



STT	Ngành nghề trước khi chuyển đổi	Ngành nghề sau khi chuyển đổi
20.	(5229) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay. Dịch vụ logistic.	(5229) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay. Dịch vụ logistic. <i>(tr Dịch vụ thị trường, vận hành, duy trì, bảo trì báo hi u hàng hải, khu vực, vùng nước, lưu hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu vực, vùng nước, lưu hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải vùng nước, công biển, lưu hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, thông tin an toàn hàng hải; Dịch vụ tư vấn bảo đảm an toàn hàng hải trong khu vực, vùng nước và lưu hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin vận tải hàng hải; Dịch vụ kiểm tra (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm thuyền, thuyền thành, thuyền buồm, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường vận tải các phương tiện, thuyền buồm chuyên dùng, container, thuyền buồm đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường vận tải các phương tiện, thuyền buồm, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm tra kỹ thuật an toàn lao động vận tải các máy, thuyền buồm có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thực hiện trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thuyền buồm, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm tra tàu cá; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không).</i>



STT	Ngành nghề trước chuyển	Ngành nghề sau chuyển
21.	(4211) Xây dựng công trình xây dựng	(4211) Xây dựng công trình xây dựng <i>(trừ Quy hoạch, khai thác hầm mỏ, khai thác cát, sỏi, đá, khai thác than, khai thác dầu khí, khai thác nước ngầm, khai thác muối, khai thác khoáng sản khác, khai thác và chế biến khoáng sản khác)</i>
22.	(4221) Xây dựng công trình kiến trúc <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình kiến trúc, lắp đặt, nhà máy kiến trúc</i> <i>(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thu cước quy định Nhà nước, không hoạt động thương mại theo N 94/2017/N -CP và hàng hóa, dịch vụ quy định Nhà nước)</i>	(4221) Xây dựng công trình kiến trúc <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình kiến trúc, lắp đặt, nhà máy kiến trúc</i> <i>(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thu cước quy định Nhà nước, không hoạt động thương mại theo N 94/2017/N -CP và hàng hóa, dịch vụ quy định Nhà nước)</i> <i>(trừ thay vì an toàn, an ninh nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng kinh tế - xã hội)</i>
23.	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>(trừ xây dựng và vận hành thay vì an toàn và an ninh nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng kinh tế - xã hội)</i>
24.	(4312) Chuồng nuôi gia súc	(4312) Chuồng nuôi gia súc <i>(trừ dịch vụ nuôi)</i>
25.	(6810) Kinh doanh bất động sản, quy hoạch xây dựng, kiến trúc, môi trường <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</i>	(6810) Kinh doanh bất động sản, quy hoạch xây dựng, kiến trúc, môi trường <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản khác</i> <i>(trừ mua bán xây dựng hạ tầng, hạ tầng chuyên quy định quy định đăng ký và vận hành)</i>
26.	(7120) Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Chuyên nghiệp kiểm tra và phân tích kỹ thuật</i>	(7120) Kiểm tra và phân tích kỹ thuật



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý dự án xuất ; - Lập dự án xuất ; - Thi công lắp đặt thiết bị trong công trình công nghiệp và dân dụng; - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (lắp đặt phần in và thi công công trình); - Tư vấn thiết kế; - Thẩm tra thi công, lập dự toán và thanh toán; - Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; - Thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu; - Tư vấn xây dựng (trình duyệt dự án, giám sát thi công, thi công công trình); - Khảo sát địa hình công trình xây dựng, khảo sát địa chất xây dựng công trình; - Thiết kế; - Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng; - Thí nghiệm vật liệu xây dựng; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. <p>(trình duyệt hồ sơ, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu vực, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Trình duyệt khảo sát khu vực, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Trình duyệt khảo sát, xây dựng và phát hành hàng hải vùng nước, công biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, vận hành an toàn hàng hải).</p>
2.	<p>(8560) Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p>Chi tiết: Tư vấn giáo dục, dịch vụ tư vấn và ý kiến hàng đầu về giáo dục, dịch vụ đánh giá và kiểm tra giáo dục, dịch vụ kiểm tra giáo dục, tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.</p>
3.	<p>(6622) Hoạt động cá nhân lý và môi giới bảo hiểm</p> <p>Chi tiết: Môi giới bảo hiểm</p>
4.	<p>(7490) Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân vào đâu</p>



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
	<i>Chi tiết: Tư vấn chuyên giao công nghệ. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kiểm tra tác động môi trường. Kinh doanh dịch vụ giám sát thi công.</i>
5.	(7730) Cho thuê máy móc, thiết bị và dụng cụ hình khác không kèm người lái khi cần <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người lái khi cần. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)</i>
6.	(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn chế tạo động nguyên sinh; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa (trừ thực phẩm quy định phân phối ở Việt Nam các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà xuất khẩu ngoài, thực phẩm kinh tế có văn phòng xuất khẩu ngoài không thực hiện quy định phân phối)</i>
7.	(4662) Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: Bán buôn đồng, nhôm, thép. (trừ thực phẩm quy định phân phối ở Việt Nam các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà xuất khẩu ngoài, thực phẩm kinh tế có văn phòng xuất khẩu ngoài không thực hiện quy định phân phối)</i>
8.	(5610) Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Chi tiết: Nhà hàng (không hoạt động internet).</i>
9.	(3511) Sản xuất in <i>(trừ truy in số, in uýt hớt in quy mô gia đình và xây dựng, quản lý in ấn phân phối và văn hành thực hiện an toàn, in ấn nhân)</i>
10.	(3512) Truy in số và phân phối in <i>Chi tiết: Mua bán in số</i> <i>(trừ truy in số, in uýt hớt in quy mô gia đình và xây dựng, quản lý in ấn phân phối và văn hành thực hiện an toàn, in ấn nhân)</i>
11.	(2790) Sản xuất thiết bị in khác <i>Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị in chuyên dụng phân vào đâu (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ in internet).</i>



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
12.	(2630) Sản xuất thiết bị truyền thông <i>Chi tiết: Sản xuất thiết bị truyền thông điện tử (trợ gia công cơ khí, tái chế phôi thép, xi măng, sắt thép).</i>
13.	(2620) Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính <i>Chi tiết: Sản xuất máy tính (trợ gia công cơ khí, tái chế phôi thép, xi măng, sắt thép).</i>
14.	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán và tái chế máy móc thiết bị điện, thiết bị truyền thông</i> <i>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, generator, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</i> <i>(trừ các hiện quy phân phối ở các hàng hóa thu c Danh m c hàng hóa nhà u t n c ngoài, t ch c kinh t có v n góp u t n c ngoài không c th c h i n quy n quy n phân ph i)</i>
15.	(4651) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi.</i>
16.	(5510) Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn (không hoạt động).</i>
17.	(4663) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>(trừ các hiện quy phân phối ở các hàng hóa thu c Danh m c hàng hóa nhà u t n c ngoài, t ch c kinh t có v n góp u t n c ngoài không c th c h i n quy n quy n phân ph i)</i>
18.	(6619) Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính khác phân vào đâu <i>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn (trợ tư vấn tài chính, kế toán)</i>
19.	(4311) Pháo đài <i>(trợ dịch vụ miễn phí)</i>
20.	(4330) Hoàn thiện công trình xây dựng <i>(trợ dịch vụ miễn phí)</i>



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
21.	(7710) Cho thuê xe có người lái <i>Chi tiết: Cho thuê ô tô.</i>
22.	(3314) Sản xuất và phân phối điện
23.	(4933) Vận tải hàng hóa bằng đường biển <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ vận tải chuyên dụng)</i>
24.	(5022) Vận tải hàng hóa bằng thuyền <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng thuyền (trừ vận tải hàng hóa bằng thuyền chuyên dụng).</i>
25.	(5012) Vận tải hàng hóa ven biển và nội địa <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển</i>
26.	(6820) Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý). (trừ dịch vụ đấu giá tài sản)</i>
27.	(7020) Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán)
28.	(4652) Bán buôn thị trường và linh kiện điện tử, viễn thông <i>(trừ thương hiệu quy định phân phối ở Việt Nam và các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà xuất khẩu ngoài, thương hiệu kinh tế có xuất khẩu ngoài không thuộc thương hiệu quy định phân phối)</i>
29.	(4741) Bán lẻ máy vi tính, thị trường ngoại vi, phần mềm và thị trường viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ thị trường viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.</i>
30.	(5229) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ bán vé máy bay. Dịch vụ logistic (trừ Dịch vụ thị trường, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu vực, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu vực, vùng</i>



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
	<i>nặng, lưu giữ hàng hóa công cộng và tu sửa hàng hóa phục vụ công bố Thông báo hàng hóa; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hồ sơ vùng nước, công biển, lưu giữ hàng hóa và tu sửa hàng hóa; xây dựng và phát hành tài liệu, chứng minh an toàn hàng hóa; Dịch vụ tư vấn thẩm định an toàn hàng hóa trong khu nước, vùng nước và lưu giữ hàng hóa công cộng; dịch vụ thông tin internet hàng hóa; Dịch vụ kiểm tra (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm thuyền, thuyền thành, thuyền, linh kiện cá phương tiện); dịch vụ kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thuyền chuyên dùng, container, thuyền đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thuyền thềm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm tra kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thuyền có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động cấp trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thuyền thềm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm tra tàu cá; Dịch vụ hoa tiêu hàng hóa; Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không).</i>
31.	(4101) Xây dựng nhà Chi tiết: <i>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.</i>
32.	(4102) Xây dựng nhà không
33.	(4211) Xây dựng công trình đường sá <i>(trên Quy hoạch, khai thác hạ tầng kỹ thuật công trình đường sá quy hoạch, công trình ô tô do Nhà nước đầu tư, không bao gồm bảo trì kỹ thuật công trình đường sá)</i>
34.	(4212) Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: <i>Xây dựng công trình đường bộ. Xây dựng công trình công nghiệp.</i>
35.	(4221) Xây dựng công trình điện <i>Chi tiết: Xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, nhà máy điện</i> <i>(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thu cước quy định Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ quy định Nhà nước)</i> <i>(trừ thủy điện áp suất thấp, điện nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i>
36.	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
	<i>(trên xây dựng và vận hành thủy điện áp suất và nhân công ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i>
37.	(4312) Chuẩn bị mặt bằng <i>(trên dịch vụ nền)</i>
38.	(4321) Lắp đặt thiết bị điện
39.	(4322) Lắp đặt thiết bị công, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí <i>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị lò sưởi và điều hòa không khí (trên lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị công, ống, kho lạnh, máy lạnh, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sản xuất ga lạnh r22 trong lĩnh vực chuyên nghiệp)</i>
40.	(4329) Lắp đặt thiết bị xây dựng khác
41.	(6810) Kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị thu thuế sinh lợi, thuế đất đai <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản khác (trên đầu tư xây dựng hạ tầng, nhà ở chuyên quy hoạch quy hoạch xây dựng đô thị)</i>
42.	(7120) Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Công nghệ điều kiện môi trường an toàn cho các công trình phù hợp với thiết kế công trình xây dựng. (trên dịch vụ kiểm tra (kiểm tra, nghiệm) và các Giấy chứng nhận cho các phòng thí nghiệm giao thông vận tải (gạch, thép, thành, thiết bị, linh kiện, phụ kiện); dịch vụ kiểm tra và các Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ở các phòng thí nghiệm, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm tra và các Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ở các phòng thí nghiệm, thiết bị thử nghiệm, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm tra kỹ thuật an toàn lao động ở các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động lắp đặt trên các phòng thí nghiệm giao thông vận tải và phòng thí nghiệm, thiết bị thử nghiệm, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm tra tàu cá.)</i>
43.	(7820) Cung cấp lao động tạm thời (trên cho thuê nhân công) <i>(trên dịch vụ nhân công làm việc ngoài theo hợp đồng)</i>



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh
44.	(7830) Cung ứng và quản lý nhân lực <i>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nhân lực trong nước</i>
45.	(4222) Xây dựng công trình cấp, thoát nước
46.	(4223) Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc

Kính trình Ủy ban Kiểm tra Công chứng xem xét thông qua.

Trân trọng./.

N i nh n:

- Nh ư trên;
- L ư VP.

**TM. H Ọ T ÊN QU ẢN TR Ị
CH ỨC VỤ**

Nguyễn Thanh Nhã



Số: **06/TTr-TRA-H C** 2025

TP. HCM, ngày 2 tháng 6 năm 2025

T R Ì N H

V/v: Thông qua Ph ần án bán c phi u qu theo hình th c chào bán riêng l

Kính g i: i h i ng c ông th ng niên n m 2025

Công ty CP ầu tư Kinh doanh ội n l c TP. H Chí Minh

- Căn c Luật Doanh nghiệp p s 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 n m 2020 và các v n b n h ng d n thi hành;
- Căn c Luật Ch ng Khoán s 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 n m 2020 và các v n b n h ng d n thi hành;
- Căn c Ngh ệnh 155/2020/N -CP ngày 31/12/2020 Quy ịnh chi ti t thi hành m t s i u c a Luật Ch ng khoán;
- Căn c i ul hi nt ic a Công ty C ph n ầu tư Kinh doanh ội n l c TP.HCM;
- Căn c nhuc uth ct c a Công ty C ph n ầu tư Kinh doanh ội n l c TP.HCM,

H i ng Qu n tr (“H QT”) Công ty C ph n ầu tư Kinh doanh ội n l c TP.HCM kính trình i h i ng c ông (“ H C ”) th ng niên n m 2025 xem xét và thông qua vì c ti p t c th c hi n Ph ần án bán c phi u qu theo hình th c chào bán riêng l , chi ti t nh sau:

I. Báo cáo ti n th c hi n:

i h i ng c ông (“ H C ”) th ng niên n m 2024 ã thông qua Ph ần án bán c phi u qu theo hình th c chào bán c phi u riêng l theo Ngh quy t H C th ng niên n m 2024 s 014/2024/NQ- H C ngày 23/04/2024. Tuy nhiên, H i ng qu n tr v n ch a tri n khai ph ần án này **do ang trong quá trình tìm c nhà ầu t**.

II. Ti p t c th c hi n Ph ần án bán c phi u qu theo hình th c chào bán c phi u riêng l v i ph ần án c th nh sau:

1. Tên c phi u : C phi u Công ty C ph n ầu tư Kinh doanh ội n l c TP.HCM
2. Lo ic phi u: C phi u ph thông

1 | -----
Tài li u i h i ng c ông th ng niên n m 2025. Tài li u này c công b ng th i b ng ti ng Vi t và ti ng Anh. Trong tr ng h p có s khác bi t ho c có cách hi u khác gi a b n ti ng Vi t và ti ng Anh thì b n b ng ti ng Vi t s c ưu tiên.



3. Mã chứng khoán: HTE
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn ưu đãi hiện nay: 236.081.650.000 đồng
6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 23.608.165 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 22.638.165 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ : 970.000 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu quỹ chào bán tối đa: 970.000 cổ phiếu
 8. Giá trị cổ phiếu quỹ chào bán tính theo mệnh giá: 9.700.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ bảy trăm triệu đồng)
 9. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành thay đổi kỳ:
 -) Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước chào bán: 22.638.165 cổ phiếu
 -) Số lượng cổ phiếu đang lưu hành để ký quỹ thêm: 970.000 cổ phiếu
 -) Số lượng cổ phiếu đang lưu hành để ký quỹ sau chào bán: 23.608.165 cổ phiếu
 10. Số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi kỳ:
 -) Số lượng cổ phiếu quỹ trước chào bán: 970.000 cổ phiếu
 -) Số lượng cổ phiếu quỹ để ký quỹ: 970.000 cổ phiếu
 -) Số lượng cổ phiếu quỹ để ký quỹ sau chào bán: 0 cổ phiếu
 11. Số thay đổi vốn ưu đãi:
 -) Vốn ưu đãi trước chào bán: 236.081.650.000 đồng
 -) Vốn ưu đãi thay đổi: 0 đồng
 -) Vốn ưu đãi sau chào bán: 236.081.650.000 đồng
 12. Hình thức phát hành: Số lượng cổ phiếu quỹ chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư
 13. Mục đích chào bán: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty



14. **Nguyên tắc xác định giá chào bán:** Theo mức giá 10.000 đồng/c phiếu
15. **Giá chào bán:** 10.000 đồng/c phiếu
16. **Tổng giá trị chào bán theo mức giá:** 9.700.000.000 đồng.
17. **Điều kiện chào bán:** Nhà đầu tư chuyên nghiệp
 - + Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Là tổ chức, cá nhân trong nước có tài khoản tài chính, áp dụng quy định nhà đầu tư chuyên nghiệp.
 - + Số lượng: Không quá 100 nhà đầu tư chuyên nghiệp
 - + Điều kiện chào bán:
 -) Quy định cho Hội đồng quản trị lựa chọn nhà đầu tư áp dụng quy định nhà đầu tư chuyên nghiệp theo quy định pháp luật.
 -) Quy định cho Hội đồng quản trị xác định số lượng phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư chuyên nghiệp.
18. **Tỷ lệ số lượng phiếu chào bán (số lượng phiếu quy định ký chào bán/số lượng phiếu đang lưu hành):** 4,28%.
19. **Phương án xử lý phiếu không phân phối:** Số lượng phiếu không phân phối theo đề nghị của Hội đồng quản trị ra quyết định chào bán cho các nhà đầu tư trong nước áp dụng quy định nhà đầu tư chuyên nghiệp theo quy định pháp luật và giá bán không thấp hơn giá chào bán nêu trên và các điều kiện chào bán đã nêu của Hội đồng quản trị, phù hợp với các quy định pháp luật. Trong trường hợp Hội đồng quản trị không tìm được nhà đầu tư phù hợp, Hội đồng quản trị cho Hội đồng quản trị ưu tiên giảm thiểu số lượng phiếu chào bán theo đúng số lượng phiếu thực tế đã phân phối.
20. **Hành chuyển nhượng:** Số phiếu phát hành thêm này sẽ hành chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày nhà đầu tư chuyên nghiệp ký kết ngày hoàn thành chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chuyên nghiệp hoặc theo bất kỳ hình thức nào khác, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trung tâm tài chính hoặc theo quy định của pháp luật.
21. **Thời gian diễn ra chào bán:** Dự kiến từ Quý 3/2025; Sau khi UBCKNN có chấp thuận bằng văn bản và đăng tải trên trang thông tin internet của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các nhà đầu tư chuyên nghiệp ký chào bán phiếu riêng lẻ của Công ty. Hội đồng quản trị quy định cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chào bán phù hợp.



22. Phương án sử dụng vốn thu được chào bán: Toàn bộ số tiền thu được chào bán sẽ sử dụng thanh toán cho các chi phí công trình xây dựng hạ tầng, hào kè và công trình mương máng, cấp nước và cấp điện trong dự án nâng cấp tuyến đường Lũy đình Cánh, Quận 2.

Hội đồng quản trị cho Hội đồng quản trị phê duyệt phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp với phương án sử dụng vốn đã được Hội đồng thông qua, và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

23. Phương án bù đắp thiếu hụt vốn điều lệ huy động chào bán:

Trường hợp không thu được vốn theo phương án bán cổ phiếu quy định theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Hội đồng quản trị cho Hội đồng quản trị tìm kiếm nguồn vốn tài trợ bổ sung khác phù hợp với tình hình thực tế của công ty và quy định của pháp luật.

24. Cam kết về các chi phí khoản vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có thể phát sinh: Sau khi kết thúc chào bán, Hội đồng thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ định các thủ tục chuyển quyền sở hữu và chuyển loại cổ phiếu về Tổng Công ty Lưu ký và Bảo trợ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) theo quy định của pháp luật.

25. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

Chỉ định công ty ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ định các công việc liên quan tới việc chào bán như sau:

- Lựa chọn thời điểm thích hợp triển khai phương án phát hành. Công ty xây dựng và gửi trình hồ sơ xin phép chào bán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, công ty chịu trách nhiệm Phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;
- Công ty xây dựng phương án mua lại cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lựa chọn nhà đầu tư áp dụng ưu đãi nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và số lượng cổ phiếu phân phối cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu được vốn theo Phương án phát hành theo đúng quy định của Pháp luật;
- Quyết định phương án xử lý việc cổ phiếu chào bán không phân phối (nếu có);



- Trình bày khai phá án sử dụng tín dụng tài trợ chào bán phù hợp với mục đích chào bán đã được HĐQT thông qua, đảm bảo lợi ích của các ông, Công ty; Tuân thủ quy định của Pháp luật và báo cáo HĐQT trong họp HĐQT thường niên;
- Thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu và chuyển loại cổ phần với Công ty Lưu ký và Bảo vệ Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật.
- Tuỳ từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị đề nghị quy định lại cho Tổng Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên;
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc bán cổ phiếu ưu quyền theo hình thức chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư.

Kính trình Hội đồng xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY**

Nhân:

- *Nhân trên;*
- *Lưu VP.*

Nguyễn Thanh Nhã

S :/NQ-TRA- H C 2025

TP.H Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

D T H O

NGH QUY T
I H I NG C ÔNG TH NG NIÊN N M 2025
CÔNG TY CP UT KINH DOANH I N L C TP. H CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ nội quy của Công ty cổ phần UT Kinh doanh I n l c Thành phố H Chí Minh;
- Căn cứ Biên bản họp hội đồng công ty năm 2025 số/BB-TRA- H C 2025 ngày 26/6/2025 của Công ty cổ phần UT Kinh doanh I n l c Thành phố H Chí Minh,

QUY T NGH

đ u 1: Thông qua các nội dung sau:

- 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương án hoạt động năm 2025**
 - Tỷ lệ biểu quyết thông qua%.
- 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương án hoạt động năm 2025**
 - Tỷ lệ biểu quyết thông qua%.
- 3. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch năm 2025**
 - Tỷ lệ biểu quyết thông qua%.
- 4. Thông qua Trình Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng năm 2024 của Công ty kiểm toán**
 - Tỷ lệ biểu quyết thông qua%.
- 5. Thông qua Trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; phương án trích lập quỹ và chia lợi nhuận năm 2024**
 - Tỷ lệ biểu quyết thông qua%.

6. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

➤ Tỷ lệ biểu quyết thông qua%.

7. Trình Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025

➤ Tỷ lệ biểu quyết thông qua%.

8. Trình Lựa chọn nhân viên kế toán

➤ Tỷ lệ biểu quyết thông qua%.

9. Trình sai, bổ sung ngành nghề kinh doanh

➤ Tỷ lệ biểu quyết thông qua%.

10. Thông qua Phương án bán cổ phiếu quy theo hình thức chào bán riêng lẻ

➤ Tỷ lệ biểu quyết thông qua%.

Điều 2: Hội đồng công nhận trí giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người đi di n theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các công việc nêu trong Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3: Bản Nghị quyết gồm có 02 (hai) trang, 03 (ba) điều. Nghị quyết có hiệu lực công bố có hiệu lực kể từ ngày công bố. Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh thông qua toàn văn nội dung chi tiết và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHÍNH THỨC**

Nhân:

- Công Công ty;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Tổng Công ty Lưu ký và Bảo quản Chứng khoán Việt Nam
- Thành viên HĐQT, BKS, Ban TG ;
- Lưu VP. HĐQT.

Nguyễn Thanh Nhã



CÔNG TY C PH N UT KINH DOANH I NL C TP.HCM
I H I NG C ÔNG TH NG NIÊN N M 2025



PHI U BI U QUY T
MÃ I BI U: HTE.000...

M U

H và tên i bi u: ...

S l ng phi u bi u quy t s h u: ... phi u bi u quy t

S l ng phi u bi u quy t nh n y quy n: ... phi u bi u quy t

T ng s l ng phi u bi u quy t i đi n: ... phi u bi u quy t

(Quý i bi u ánh d u vào ô Ý ki n l a ch n theo t ng N i dung bi u quy t)

N I DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý ki n
N i dung 01: Báo cáo ho t ng c a H i ng qu n tr n m 2024 và K ho ch ho t ng n m 2025			
N i dung 02: Báo cáo ho t ng c a Ban Ki m soát v k t qu ki m tra, giám sát tài chính n m 2024			
Nôi dung 03: Báo cáo c a Ban T ng Giám c Công ty v tình hình ho t ng s n xu t kinh doanh n m 2024 và K ho ch ho t ng n m 2025			
Nôi dung 04: Thông qua báo cáo tài chính riêng và h p nh t n m 2024 c a Công ty ã qua ki m toán			
N i dung 05: Thông qua T trình k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh n m 2024; ph ng án trích l p qu và chia c t c n m 2024			
N i dung 06: Thông qua T trình k ho ch s n xu t kinh doanh n m và phân ph i i nhu n n m 2025			
N i dung 07: Thông qua T trình thù lao H i ng qu n tr , Ban ki m soát n m 2024 và k ho ch n m 2025			
N i dung 08: Thông qua T trình l a ch n n v ki m toán Báo cáo tài chính n m 2025			
N i dung 09: Thông qua T trình s a i, b sung ngành ngh kinh doanh			
N i dung 10: Thông qua T trình Ph ng án bán c phi u qu theo hình th c chào bán riêng l			

H ng d n:

C ông ánh d u ch n (X) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/Không tán thành/Không có ý ki n** i v it ng n i dung bi u quy t.

Ngày ... tháng ... n m 2025

I BI U

(Ký và Ghi rõ h tên)